



ĐƠN GIÁ TẠM THỜI ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM BÁO IN, BÁO ĐIỆN TỬ CỦA TTXVN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101 /QĐ-TTX ngày 26/9/2024 của Tổng giám đốc TTXVN)

Phần I - ĐƠN GIÁ TRỰC TIẾP SẢN XUẤT SẢN PHẨM, TÁC PHẨM BÁO IN, BÁO ĐIỆN TỬ

A. Điều kiện áp dụng:

1. Đơn giá trực tiếp sản xuất sản phẩm, tác phẩm báo in, báo điện tử (gọi tắt là Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu) bao gồm:

- + Chi phí nhân công trực tiếp tham gia công việc nhất định phù hợp với các định mức công tác theo Thông tư 18/2021/TT-BTTTT
- + Chi phí vật liệu sử dụng trực tiếp phù hợp với các định mức công tác theo Thông tư 18/2021/TT-BTTTT.
- + Chi phí máy móc, thiết bị: không được tính do đơn vị được NSNN chi đầu tư.

2. Đơn giá chưa bao gồm các chi phí sau:

- + Chi phí in và chi phí phát hành đối với báo in;
- + Chi phí sản xuất chung chưa có tại điểm 1;
- + Chi phí thuê ngoài (nếu có);
- + Chi phí quản lý;
- + Lợi nhuận;
- + Các khoản thuế, phí (nếu có)

B. Đơn giá:

Bảng 1.1. Đơn giá trực tiếp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng tiếng Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT					
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu
						Tổng nhân công	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương			
						1			2	3	4=1+2+3
01.01.01.01.10	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	676.447	547.730	128.717		2.750	679.197
01.01.01.01.20	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	599.339	485.295	114.044		2.750	602.089
01.01.01.01.30	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	572.542	463.597	108.945		2.750	575.292
01.01.01.01.40	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	536.654	434.538	102.116		2.750	539.404
01.01.01.01.50	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin văn	486.344	393.801	92.543		2.750	489.094

01.01.01.01.60	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin vắn	635.226	514.353	120.873		2.750	637.976
01.01.01.01.70	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin vắn	599.339	485.295	114.044		2.750	602.089
01.01.01.01.80	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin vắn	572.542	463.597	108.945		2.750	575.292
01.01.01.01.90	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin vắn	522.231	422.859	99.372		2.750	524.981
01.01.01.02.10	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	941.083	762.010	179.072		4.455	945.538
01.01.01.02.20	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	828.088	670.516	157.571		4.455	832.543
01.01.01.02.30	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	804.049	651.052	152.997		4.455	808.504
01.01.01.02.40	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	763.354	618.100	145.254		4.455	767.809
01.01.01.02.50	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	691.054	559.558	131.496		4.455	695.509
01.01.01.02.60	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	868.783	703.468	165.315		4.455	873.238

01.01.01.02.70	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	828.088	670.516	157.571		4.455	832.543
01.01.01.02.80	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	804.049	651.052	152.997		4.455	808.504
01.01.01.02.90	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	731.749	592.509	139.240		4.455	736.204
01.01.01.03.10	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	1.572.500	1.273.279	299.221		8.910	1.581.410
01.01.01.03.20	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	1.404.386	1.137.155	267.231		8.910	1.413.296
01.01.01.03.30	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	1.358.358	1.099.885	258.473		8.910	1.367.268
01.01.01.03.40	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	1.303.240	1.055.255	247.985		8.910	1.312.150
01.01.01.03.50	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.185.437	959.868	225.569		8.910	1.194.347
01.01.01.03.60	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	1.404.386	1.137.155	267.231		8.910	1.413.296
01.01.01.03.70	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	1.358.358	1.099.885	258.473		8.910	1.367.268

01.01.01.03.80	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	1.303.240	1.055.255	247.985		8.910	1.312.150
01.01.01.03.90	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.185.437	959.868	225.569		8.910	1.194.347
01.01.01.04.10	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	3.370.701	2.729.312	641.388		17.490	3.388.191
01.01.01.04.20	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	3.029.141	2.452.745	576.395		17.490	3.046.631
01.01.01.04.30	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	2.920.428	2.364.719	555.709		17.490	2.937.918
01.01.01.04.40	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	2.805.384	2.271.566	533.818		17.490	2.822.874
01.01.01.04.50	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	2.578.868	2.088.152	490.716		17.490	2.596.358
01.01.01.04.60	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	3.146.943	2.548.132	598.811		17.490	3.164.433
01.01.01.04.70	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	3.029.141	2.452.745	576.395		17.490	3.046.631
01.01.01.04.80	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	2.920.428	2.364.719	555.709		17.490	2.937.918

01.01.01.04.90	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	2.687.581	2.176.179	511.402		17.490	2.705.071
01.01.02.01.10	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	15.423.344	12.488.537	2.934.806		87.450	15.510.794
01.01.02.01.20	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	14.173.199	11.476.275	2.696.925		87.450	14.260.649
01.01.02.01.30	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	13.764.462	11.145.314	2.619.149		87.450	13.851.912
01.01.02.01.40	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	13.355.725	10.814.353	2.541.373		87.450	13.443.175
01.01.02.01.50	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	12.531.447	10.146.921	2.384.526		87.450	12.618.897
01.01.02.01.60	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	14.591.499	11.814.979	2.776.520		87.450	14.678.949
01.01.02.01.70	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	14.173.199	11.476.275	2.696.925		87.450	14.260.649
01.01.02.01.80	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	13.764.462	11.145.314	2.619.149		87.450	13.851.912
01.01.02.01.90	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	12.944.992	10.481.775	2.463.217		87.450	13.032.442

01.01.03.01.10	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký 1 kỳ	13.493.574	10.925.971	2.567.603		69.960	13.563.534
01.01.03.01.20	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký 1 kỳ	12.225.302	9.899.030	2.326.272		69.960	12.295.262
01.01.03.01.30	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký 1 kỳ	11.804.558	9.558.347	2.246.212		69.960	11.874.518
01.01.03.01.40	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký 1 kỳ	11.381.057	9.215.431	2.165.626		69.960	11.451.017
01.01.03.01.50	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký 1 kỳ	10.541.094	8.535.299	2.005.795		69.960	10.611.054
01.01.03.01.60	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký 1 kỳ	12.644.521	10.238.479	2.406.042		69.960	12.714.481
01.01.03.01.70	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký 1 kỳ	12.225.302	9.899.030	2.326.272		69.960	12.295.262
01.01.03.01.80	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký 1 kỳ	11.804.558	9.558.347	2.246.212		69.960	11.874.518
01.01.03.01.90	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký 1 kỳ	10.961.837	8.875.982	2.085.856		69.960	11.031.797
01.01.03.02.10	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	13.695.735	11.089.664	2.606.071		69.960	13.765.695

01.01.03.02.20	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.378.729	10.023.262	2.355.467		69.960	12.448.689
01.01.03.02.30	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.939.044	9.667.242	2.271.802		69.960	12.009.004
01.01.03.02.40	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.504.166	9.315.115	2.189.052		69.960	11.574.126
01.01.03.02.50	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	10.622.038	8.600.840	2.021.197		69.960	10.691.998
01.01.03.02.60	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.821.173	10.381.516	2.439.656		69.960	12.891.133
01.01.03.02.70	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.378.729	10.023.262	2.355.467		69.960	12.448.689
01.01.03.02.80	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.939.044	9.667.242	2.271.802		69.960	12.009.004
01.01.03.02.90	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.056.915	8.952.968	2.103.947		69.960	11.126.875
01.01.04.01.10	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	11.933.501	9.662.753	2.270.747		69.960	12.003.461
01.01.04.01.20	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	10.729.069	8.687.505	2.041.564		69.960	10.799.029

01.01.04.01.30	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	10.322.040	8.357.927	1.964.113		69.960	10.392.000
01.01.04.01.40	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	9.915.010	8.028.349	1.886.662		69.960	9.984.970
01.01.04.01.50	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	9.112.800	7.378.786	1.734.015		69.960	9.182.760
01.01.04.01.60	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	11.127.008	9.009.723	2.117.285		69.960	11.196.968
01.01.04.01.70	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	10.729.069	8.687.505	2.041.564		69.960	10.799.029
01.01.04.01.80	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	10.322.040	8.357.927	1.964.113		69.960	10.392.000
01.01.04.01.90	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	9.519.830	7.708.364	1.811.466		69.960	9.589.790
01.01.05.01.10	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.718.539	7.059.546	1.658.993		46.640	8.765.179
01.01.05.01.20	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.886.458	6.385.796	1.500.662		46.640	7.933.098

01.01.05.01.30	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.607.084	6.159.582	1.447.502		46.640	7.653.724
01.01.05.01.40	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.335.276	5.939.494	1.395.781		46.640	7.381.916
01.01.05.01.50	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	6.784.093	5.493.193	1.290.900		46.640	6.830.733
01.01.05.01.60	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.167.357	6.613.244	1.554.112		46.640	8.213.997
01.01.05.01.70	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.886.458	6.385.796	1.500.662		46.640	7.933.098
01.01.05.01.80	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.607.084	6.159.582	1.447.502		46.640	7.653.724
01.01.05.01.90	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.063.467	5.719.407	1.344.061		46.640	7.110.107
01.01.06.01	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chú thích tiếng Việt Nam)		01 bức ảnh (tin ảnh)	1.902.684	1.540.635	362.049		1.452	1.904.136
01.01.06.02	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chú thích tiếng Việt Nam)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	776.831	629.013	147.818		1.452	778.283
01.01.07.01	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chú thích		01 bức tranh	977.916	791.835	186.081		1.155	979.071

			tiếng Việt Nam)								
01.01.07.02	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biếm họa (chú thích tiếng Việt Nam.)		01 bức tranh	1.179.841	955.337	224.504		1.155	1.180.996
01.01.08.01	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc		01 tin /bài trả lời bạn đọc	1.720.279	1.392.938	327.340		34.980	1.755.259
01.02.01.01	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin vắn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin vắn	238.364	193.007	45.357		2.332	240.696
01.02.01.02	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	448.434	363.104	85.329		3.498	451.932
01.02.01.03	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	757.706	613.527	144.179		5.830	763.536
01.02.01.04	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	1.655.886	1.340.799	315.088		12.826	1.668.712
01.02.03.01	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	8.019.184	6.493.266	1.525.918		87.450	8.106.634
01.02.04.01	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký 1 kỳ	6.084.369	4.926.615	1.157.754		69.960	6.154.329
01.02.04.02	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỳ	6.122.096	4.957.162	1.164.933		69.960	6.192.056
01.02.05.01	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	4.725.275	3.826.134	899.141		69.960	4.795.235

01.02.06.01	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	4.167.104	3.374.174	792.931		23.320	4.190.424
01.02.06.02	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	2.425.598	1.964.047	461.551		5.830	2.431.428
01.02.07.01	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	3.802.924	3.079.291	723.633		46.640	3.849.564
01.02.08.01	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	5.990.579	4.850.671	1.139.908		29.150	6.019.729
01.02.09.01	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	702.771	569.045	133.726		2.332	705.103
01.02.09.02	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	424.658	343.852	80.805		2.332	426.990
01.02.09.03	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	407.476	329.940	77.536		2.332	409.808
01.02.10.01	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	432.697	350.362	82.335		2.332	435.029
01.02.10.02	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	427.889	346.469	81.420		2.332	430.221
01.02.10.03	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	572.121	463.256	108.865		2.332	574.453
01.02.10.04	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	500.005	404.863	95.143		2.332	502.337

Bảng 2.1. Đơn giá trực tiếp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng tiếng Dân tộc hoặc tiếng Nước ngoài (tiếng các nước thuộc LHQ)

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT					
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu
						<i>1</i>			<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=1+2+3</i>
01.01.01.01.10.NN1	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	1.014.670	821.595	193.075		2.750	1.017.420
01.01.01.01.20.NN1	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	899.008	727.942	171.066		2.750	901.758
01.01.01.01.30.NN1	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	858.813	695.395	163.418		2.750	861.563
01.01.01.01.40.NN1	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	804.982	651.807	153.175		2.750	807.732

01.01.01.01.50.NN1	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin vắn	729.516	590.701	138.815		2.750	732.266
01.01.01.01.60.NN1	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin vắn	952.839	771.530	181.310		2.750	955.589
01.01.01.01.70.NN1	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin vắn	899.008	727.942	171.066		2.750	901.758
01.01.01.01.80.NN1	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin vắn	858.813	695.395	163.418		2.750	861.563
01.01.01.01.90.NN1	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin vắn	783.347	634.289	149.058		2.750	786.097
01.01.01.02.10.NN1	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	1.411.624	1.143.016	268.609		4.455	1.416.079
01.01.01.02.20.NN1	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	1.242.132	1.005.775	236.357		4.455	1.246.587
01.01.01.02.30.NN1	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	1.206.073	976.578	229.496		4.455	1.210.528
01.01.01.02.40.NN1	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	1.145.031	927.151	217.880		4.455	1.149.486

01.01.01.02.50.NN1	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	1.036.581	839.337	197.244		4.455	1.041.036
01.01.01.02.60.NN1	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	1.303.174	1.055.202	247.972		4.455	1.307.629
01.01.01.02.70.NN1	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	1.242.132	1.005.775	236.357		4.455	1.246.587
01.01.01.02.80.NN1	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	1.206.073	976.578	229.496		4.455	1.210.528
01.01.01.02.90.NN1	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	1.097.623	888.764	208.860		4.455	1.102.078
01.01.01.03.10.NN1	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	2.358.750	1.909.919	448.831		8.910	2.367.660
01.01.01.03.20.NN1	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	2.106.579	1.705.732	400.847		8.910	2.115.489
01.01.01.03.30.NN1	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	2.037.537	1.649.828	387.709		8.910	2.046.447
01.01.01.03.40.NN1	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	1.954.860	1.582.882	371.977		8.910	1.963.770

01.01.01.03.50.NN1	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.778.155	1.439.802	338.353		8.910	1.787.065
01.01.01.03.60.NN1	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	2.106.579	1.705.732	400.847		8.910	2.115.489
01.01.01.03.70.NN1	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	2.037.537	1.649.828	387.709		8.910	2.046.447
01.01.01.03.80.NN1	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	1.954.860	1.582.882	371.977		8.910	1.963.770
01.01.01.03.90.NN1	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.778.155	1.439.802	338.353		8.910	1.787.065
01.01.01.04.10.NN1	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	5.056.051	4.093.968	962.083		17.490	5.073.541
01.01.01.04.20.NN1	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	4.543.711	3.679.118	864.593		17.490	4.561.201
01.01.01.04.30.NN1	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	4.380.642	3.547.078	833.563		17.490	4.398.132
01.01.01.04.40.NN1	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	4.208.075	3.407.348	800.727		17.490	4.225.565

01.01.01.04.50.NN1	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	3.868.302	3.132.228	736.074		17.490	3.885.792
01.01.01.04.60.NN1	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	4.720.415	3.822.199	898.217		17.490	4.737.905
01.01.01.04.70.NN1	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	4.543.711	3.679.118	864.593		17.490	4.561.201
01.01.01.04.80.NN1	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	4.380.642	3.547.078	833.563		17.490	4.398.132
01.01.01.04.90.NN1	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	4.031.371	3.264.268	767.103		17.490	4.048.861
01.01.02.01.10.NN1	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	23.135.016	18.732.806	4.402.209		87.450	23.222.466
01.01.02.01.20.NN1	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	21.259.799	17.214.412	4.045.387		87.450	21.347.249
01.01.02.01.30.NN1	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	20.646.694	16.717.970	3.928.723		87.450	20.734.144
01.01.02.01.40.NN1	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	20.033.588	16.221.529	3.812.059		87.450	20.121.038

01.01.02.01.50.NN1	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	18.797.171	15.220.381	3.576.790		87.450	18.884.621
01.01.02.01.60.NN1	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	21.887.249	17.722.469	4.164.780		87.450	21.974.699
01.01.02.01.70.NN1	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	21.259.799	17.214.412	4.045.387		87.450	21.347.249
01.01.02.01.80.NN1	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	20.646.694	16.717.970	3.928.723		87.450	20.734.144
01.01.02.01.90.NN1	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	19.417.488	15.722.662	3.694.826		87.450	19.504.938
01.01.03.01.10.NN1	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký sự/phóng sự	20.240.360	16.388.956	3.851.405		69.960	20.310.320
01.01.03.01.20.NN1	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.337.952	14.848.544	3.489.408		69.960	18.407.912
01.01.03.01.30.NN1	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.706.838	14.337.520	3.369.317		69.960	17.776.798
01.01.03.01.40.NN1	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.071.585	13.823.146	3.248.439		69.960	17.141.545

			LHQ)								
01.01.03.01.50.NN1	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	15.811.641	12.802.948	3.008.693		69.960	15.881.601
01.01.03.01.60.NN1	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.966.782	15.357.718	3.609.064		69.960	19.036.742
01.01.03.01.70.NN1	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.337.952	14.848.544	3.489.408		69.960	18.407.912
01.01.03.01.80.NN1	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.706.838	14.337.520	3.369.317		69.960	17.776.798
01.01.03.01.90.NN1	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	16.442.756	13.313.972	3.128.784		69.960	16.512.716
01.01.03.02.10.NN1	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	20.543.603	16.634.496	3.909.107		69.960	20.613.563
01.01.03.02.20.NN1	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	18.568.094	15.034.894	3.533.200		69.960	18.638.054

01.01.03.02.30.NN1	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.908.566	14.500.863	3.407.703		69.960	17.978.526
01.01.03.02.40.NN1	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.256.250	13.972.672	3.283.578		69.960	17.326.210
01.01.03.02.50.NN1	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	15.933.056	12.901.260	3.031.796		69.960	16.003.016
01.01.03.02.60.NN1	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.231.759	15.572.275	3.659.485		69.960	19.301.719
01.01.03.02.70.NN1	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	18.568.094	15.034.894	3.533.200		69.960	18.638.054
01.01.03.02.80.NN1	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.908.566	14.500.863	3.407.703		69.960	17.978.526
01.01.03.02.90.NN1	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	16.585.373	13.429.451	3.155.921		69.960	16.655.333
01.01.04.01.10.NN1	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	17.900.251	14.494.130	3.406.121		69.960	17.970.211

01.01.04.01.20.NN1	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	16.093.604	13.031.258	3.062.346		69.960	16.163.564
01.01.04.01.30.NN1	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	15.483.060	12.536.890	2.946.169		69.960	15.553.020
01.01.04.01.40.NN1	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	14.872.516	12.042.523	2.829.993		69.960	14.942.476
01.01.04.01.50.NN1	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	13.669.201	11.068.179	2.601.022		69.960	13.739.161
01.01.04.01.60.NN1	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	16.690.512	13.514.585	3.175.927		69.960	16.760.472
01.01.04.01.70.NN1	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	16.093.604	13.031.258	3.062.346		69.960	16.163.564
01.01.04.01.80.NN1	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	15.483.060	12.536.890	2.946.169		69.960	15.553.020
01.01.04.01.90.NN1	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	14.279.745	11.562.546	2.717.198		69.960	14.349.705
01.01.05.01.10.NN1	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	13.077.809	10.589.319	2.488.490		46.640	13.124.449

01.01.05.01.20.NN1	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.829.687	9.578.694	2.250.993		46.640	11.876.327
01.01.05.01.30.NN1	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.410.626	9.239.373	2.171.253		46.640	11.457.266
01.01.05.01.40.NN1	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.002.913	8.909.242	2.093.672		46.640	11.049.553
01.01.05.01.50.NN1	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.176.139	8.239.789	1.936.350		46.640	10.222.779
01.01.05.01.60.NN1	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.251.035	9.919.866	2.331.169		46.640	12.297.675
01.01.05.01.70.NN1	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.829.687	9.578.694	2.250.993		46.640	11.876.327
01.01.05.01.80.NN1	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.410.626	9.239.373	2.171.253		46.640	11.457.266
01.01.05.01.90.NN1	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.595.201	8.579.110	2.016.091		46.640	10.641.841

01.01.06.01.NN1	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (tin ảnh)	2.854.026	2.310.952	543.074		1.452	2.855.478
01.01.06.02.NN1	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	1.165.247	943.520	221.727		1.452	1.166.699
01.01.07.01.NN1	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.466.874	1.187.752	279.122		1.155	1.468.029
01.01.07.02.NN1	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biếm họa (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.769.762	1.433.005	336.756		1.155	1.770.917
01.01.08.01.NN1	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 tin /bài trả lời bạn đọc	2.580.418	2.089.407	491.011		34.980	2.615.398
01.02.01.01.NN1	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin vắn	357.546	289.511	68.035		2.332	359.878
01.02.01.02.NN1	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	672.650	544.656	127.994		3.498	676.148
01.02.01.03.NN1	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	1.136.558	920.290	216.268		5.830	1.142.388
01.02.01.04.NN1	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	2.483.830	2.011.198	472.632		12.826	2.496.656

01.02.03.01.NN1	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	12.028.775	9.739.899	2.288.876		87.450	12.116.225
01.02.04.01.NN1	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký 1 kỳ	9.126.554	7.389.922	1.736.632		69.960	9.196.514
01.02.04.02.NN1	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỳ	9.183.143	7.435.744	1.747.400		69.960	9.253.103
01.02.05.01.NN1	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	7.087.913	5.739.201	1.348.712		69.960	7.157.873
01.02.06.01.NN1	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	6.250.657	5.061.260	1.189.396		23.320	6.273.977
01.02.06.02.NN1	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	3.638.397	2.946.071	692.327		5.830	3.644.227
01.02.07.01.NN1	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	5.704.387	4.618.937	1.085.450		46.640	5.751.027
01.02.08.01.NN1	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	8.985.868	7.276.007	1.709.862		29.150	9.015.018
01.02.09.01.NN1	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh (chú thích bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	1.054.157	853.568	200.589		2.332	1.056.489
01.02.09.02.NN1	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chú thích bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	636.987	515.779	121.208		2.332	639.319

01.02.09.03.NN1	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chú thích bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	611.214	494.910	116.304		2.332	613.546
01.02.10.01.NN1	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	649.045	525.543	123.503		2.332	651.377
01.02.10.02.NN1	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	641.834	519.703	122.130		2.332	644.166
01.02.10.03.NN1	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	858.182	694.884	163.298		2.332	860.514
01.02.10.04.NN1	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	750.008	607.294	142.714		2.332	752.340

Bảng 3.1. Đơn giá trực tiếp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng tiếng Nước ngoài (tiếng các nước không thuộc LHQ)

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT					
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu
						Tổng nhân công	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương			
						<i>I</i>			<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=I+2+3</i>
01.01.01.01.10.NN2	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin vắn	1.082.315	876.368	205.947		2.750	1.085.065
01.01.01.01.20.NN2	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin vắn	958.942	776.472	182.471		2.750	961.692
01.01.01.01.30.NN2	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin vắn	916.067	741.754	174.312		2.750	918.817
01.01.01.01.40.NN2	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin vắn	858.647	695.261	163.386		2.750	861.397
01.01.01.01.50.NN2	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin vắn	778.150	630.081	148.069		2.750	780.900
01.01.01.01.60.NN2	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin vắn	1.016.362	822.965	193.397		2.750	1.019.112

01.01.01.01.70.NN2	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin văn	958.942	776.472	182.471		2.750	961.692
01.01.01.01.80.NN2	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin văn	916.067	741.754	174.312		2.750	918.817
01.01.01.01.90.NN2	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin văn	835.570	676.575	158.995		2.750	838.320
01.01.01.02.10.NN2	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	1.505.732	1.219.217	286.516		4.455	1.510.187
01.01.01.02.20.NN2	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	1.324.940	1.072.826	252.114		4.455	1.329.395
01.01.01.02.30.NN2	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	1.286.478	1.041.683	244.795		4.455	1.290.933
01.01.01.02.40.NN2	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	1.221.366	988.961	232.406		4.455	1.225.821
01.01.01.02.50.NN2	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	1.105.686	895.293	210.394		4.455	1.110.141
01.01.01.02.60.NN2	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	1.390.052	1.125.549	264.504		4.455	1.394.507

01.01.01.02.70.NN2	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	1.324.940	1.072.826	252.114		4.455	1.329.395
01.01.01.02.80.NN2	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	1.286.478	1.041.683	244.795		4.455	1.290.933
01.01.01.02.90.NN2	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	1.170.798	948.015	222.783		4.455	1.175.253
01.01.01.03.10.NN2	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	2.515.999	2.037.247	478.753		8.910	2.524.909
01.01.01.03.20.NN2	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	2.247.018	1.819.448	427.570		8.910	2.255.928
01.01.01.03.30.NN2	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	2.173.373	1.759.816	413.557		8.910	2.182.283
01.01.01.03.40.NN2	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	2.085.184	1.688.408	396.776		8.910	2.094.094
01.01.01.03.50.NN2	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.896.699	1.535.789	360.910		8.910	1.905.609
01.01.01.03.60.NN2	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	2.247.018	1.819.448	427.570		8.910	2.255.928

01.01.01.03.70.NN2	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	2.173.373	1.759.816	413.557		8.910	2.182.283
01.01.01.03.80.NN2	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	2.085.184	1.688.408	396.776		8.910	2.094.094
01.01.01.03.90.NN2	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.896.699	1.535.789	360.910		8.910	1.905.609
01.01.01.04.10.NN2	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	5.393.121	4.366.899	1.026.221		17.490	5.410.611
01.01.01.04.20.NN2	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	4.846.625	3.924.393	922.232		17.490	4.864.115
01.01.01.04.30.NN2	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	4.672.685	3.783.550	889.134		17.490	4.690.175
01.01.01.04.40.NN2	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	4.488.614	3.634.505	854.109		17.490	4.506.104
01.01.01.04.50.NN2	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	4.126.189	3.341.043	785.145		17.490	4.143.679
01.01.01.04.60.NN2	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	5.035.110	4.077.012	958.098		17.490	5.052.600

01.01.01.04.70.NN2	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	4.846.625	3.924.393	922.232		17.490	4.864.115
01.01.01.04.80.NN2	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	4.672.685	3.783.550	889.134		17.490	4.690.175
01.01.01.04.90.NN2	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	4.300.129	3.481.886	818.243		17.490	4.317.619
01.01.02.01.10.NN2	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	24.677.350	19.981.660	4.695.690		87.450	24.764.800
01.01.02.01.20.NN2	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	22.677.119	18.362.040	4.315.079		87.450	22.764.569
01.01.02.01.30.NN2	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	22.023.140	17.832.502	4.190.638		87.450	22.110.590
01.01.02.01.40.NN2	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	21.369.161	17.302.964	4.066.197		87.450	21.456.611
01.01.02.01.50.NN2	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	20.050.315	16.235.073	3.815.242		87.450	20.137.765
01.01.02.01.60.NN2	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	23.346.399	18.903.967	4.442.432		87.450	23.433.849

01.01.02.01.70.NN2	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	22.677.119	18.362.040	4.315.079		87.450	22.764.569
01.01.02.01.80.NN2	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	22.023.140	17.832.502	4.190.638		87.450	22.110.590
01.01.02.01.90.NN2	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	20.711.987	16.770.840	3.941.147		87.450	20.799.437
01.01.03.01.10.NN2	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký sự/phóng sự	21.589.718	17.481.553	4.108.165		69.960	21.659.678
01.01.03.01.20.NN2	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	19.560.483	15.838.447	3.722.035		69.960	19.630.443
01.01.03.01.30.NN2	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.887.293	15.293.355	3.593.938		69.960	18.957.253
01.01.03.01.40.NN2	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.209.691	14.744.689	3.465.002		69.960	18.279.651
01.01.03.01.50.NN2	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	16.865.751	13.656.478	3.209.272		69.960	16.935.711
01.01.03.01.60.NN2	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	20.231.234	16.381.566	3.849.668		69.960	20.301.194

01.01.03.01.70.NN2	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	19.560.483	15.838.447	3.722.035		69.960	19.630.443
01.01.03.01.80.NN2	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.887.293	15.293.355	3.593.938		69.960	18.957.253
01.01.03.01.90.NN2	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.538.940	14.201.571	3.337.369		69.960	17.608.900
01.01.03.02.10.NN2	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	21.913.176	17.743.463	4.169.714		69.960	21.983.136
01.01.03.02.20.NN2	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.805.966	16.037.220	3.768.747		69.960	19.875.926
01.01.03.02.30.NN2	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.102.470	15.467.587	3.634.883		69.960	19.172.430
01.01.03.02.40.NN2	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	18.406.666	14.904.183	3.502.483		69.960	18.476.626
01.01.03.02.50.NN2	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	16.995.260	13.761.344	3.233.916		69.960	17.065.220
01.01.03.02.60.NN2	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	20.513.876	16.610.426	3.903.450		69.960	20.583.836

01.01.03.02.70.NN2	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.805.966	16.037.220	3.768.747		69.960	19.875.926
01.01.03.02.80.NN2	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.102.470	15.467.587	3.634.883		69.960	19.172.430
01.01.03.02.90.NN2	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.691.064	14.324.748	3.366.316		69.960	17.761.024
01.01.04.01.10.NN2	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	19.093.601	15.460.406	3.633.195		69.960	19.163.561
01.01.04.01.20.NN2	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	17.166.510	13.900.008	3.266.502		69.960	17.236.470
01.01.04.01.30.NN2	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	16.515.264	13.372.683	3.142.581		69.960	16.585.224
01.01.04.01.40.NN2	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	15.864.017	12.845.358	3.018.659		69.960	15.933.977
01.01.04.01.50.NN2	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	14.580.481	11.806.057	2.774.423		69.960	14.650.441
01.01.04.01.60.NN2	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	17.803.213	14.415.557	3.387.656		69.960	17.873.173

01.01.04.01.70.NN2	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	17.166.510	13.900.008	3.266.502		69.960	17.236.470
01.01.04.01.80.NN2	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	16.515.264	13.372.683	3.142.581		69.960	16.585.224
01.01.04.01.90.NN2	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	15.231.728	12.333.383	2.898.345		69.960	15.301.688
01.01.05.01.10.NN2	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	13.949.663	11.295.274	2.654.389		46.640	13.996.303
01.01.05.01.20.NN2	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.618.333	10.217.274	2.401.059		46.640	12.664.973
01.01.05.01.30.NN2	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.171.334	9.855.331	2.316.003		46.640	12.217.974
01.01.05.01.40.NN2	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.736.441	9.503.191	2.233.250		46.640	11.783.081
01.01.05.01.50.NN2	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.854.548	8.789.108	2.065.440		46.640	10.901.188
01.01.05.01.60.NN2	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	13.067.771	10.581.191	2.486.580		46.640	13.114.411

01.01.05.01.70.NN2	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.618.333	10.217.274	2.401.059		46.640	12.664.973
01.01.05.01.80.NN2	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.171.334	9.855.331	2.316.003		46.640	12.217.974
01.01.05.01.90.NN2	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.301.548	9.151.051	2.150.497		46.640	11.348.188
01.01.06.01.NN2	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (tin ảnh)	3.044.294	2.465.016	579.279		1.452	3.045.746
01.01.06.02.NN2	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	1.242.930	1.006.421	236.509		1.452	1.244.382
01.01.07.01.NN2	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.564.665	1.266.936	297.730		1.155	1.565.820
01.01.07.02.NN2	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biếm họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.887.746	1.528.539	359.207		1.155	1.888.901
01.01.08.01.NN2	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 tin /bài trả lời bạn đọc	2.752.446	2.228.701	523.745		34.980	2.787.426
01.02.01.01.NN2	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin vắn	381.383	308.812	72.571		2.332	383.715

01.02.01.02.NN2	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	717.494	580.967	136.527		3.498	720.992
01.02.01.03.NN2	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	1.212.329	981.643	230.686		5.830	1.218.159
01.02.01.04.NN2	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	2.649.418	2.145.278	504.140		12.826	2.662.244
01.02.03.01.NN2	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	12.830.694	10.389.226	2.441.468		87.450	12.918.144
01.02.04.01.NN2	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký 1 kỳ	9.734.991	7.882.584	1.852.407		69.960	9.804.951
01.02.04.02.NN2	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỳ	9.795.353	7.931.460	1.863.893		69.960	9.865.313
01.02.05.01.NN2	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	7.560.441	6.121.814	1.438.626		69.960	7.630.401
01.02.06.01.NN2	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	6.667.367	5.398.678	1.268.689		23.320	6.690.687
01.02.06.02.NN2	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	3.880.957	3.142.475	738.482		5.830	3.886.787
01.02.07.01.NN2	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	6.084.679	4.926.866	1.157.813		46.640	6.131.319

01.02.08.01.NN2	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	9.584.926	7.761.074	1.823.852		29.150	9.614.076
01.02.09.01.NN2	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh (chú thích bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	1.124.434	910.473	213.961		2.332	1.126.766
01.02.09.02.NN2	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chú thích bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	679.452	550.164	129.288		2.332	681.784
01.02.09.03.NN2	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chú thích bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	651.961	527.904	124.057		2.332	654.293
01.02.10.01.NN2	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	692.315	560.579	131.736		2.332	694.647
01.02.10.02.NN2	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	684.623	554.350	130.272		2.332	686.955
01.02.10.03.NN2	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	915.394	741.210	174.184		2.332	917.726
01.02.10.04.NN2	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	800.008	647.780	152.228		2.332	802.340

Bảng 4.1. Đơn giá trực tiếp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí viết trực tiếp bằng tiếng Nước ngoài (không qua bước chuyển ngữ)

Đơn vị tính: đồng

Mã DG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT					
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu
						Tổng nhân công	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương			
						<i>1</i>			<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=1+2+3</i>
01.01.01.01.10.NN3	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	811.736	657.276	154.460		2.750	814.486
01.01.01.01.20.NN3	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	719.207	582.354	136.853		2.750	721.957
01.01.01.01.30.NN3	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	687.050	556.316	130.734		2.750	689.800
01.01.01.01.40.NN3	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	643.985	521.446	122.540		2.750	646.735
01.01.01.01.50.NN3	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin văn	583.613	472.561	111.052		2.750	586.363
01.01.01.01.60.NN3	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin văn	762.272	617.224	145.048		2.750	765.022

01.01.01.01.70.NN3	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin vắn	719.207	582.354	136.853		2.750	721.957
01.01.01.01.80.NN3	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin vắn	687.050	556.316	130.734		2.750	689.800
01.01.01.01.90.NN3	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin vắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin vắn	626.677	507.431	119.246		2.750	629.427
01.01.01.02.10.NN3	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	1.129.299	914.412	214.887		4.455	1.133.754
01.01.01.02.20.NN3	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	993.705	804.620	189.086		4.455	998.160
01.01.01.02.30.NN3	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	964.859	781.262	183.597		4.455	969.314
01.01.01.02.40.NN3	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	916.025	741.720	174.304		4.455	920.480
01.01.01.02.50.NN3	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	829.265	671.469	157.795		4.455	833.720
01.01.01.02.60.NN3	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	1.042.539	844.161	198.378		4.455	1.046.994
01.01.01.02.70.NN3	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	993.705	804.620	189.086		4.455	998.160

01.01.01.02.80.NN3	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	964.859	781.262	183.597		4.455	969.314
01.01.01.02.90.NN3	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	878.099	711.011	167.088		4.455	882.554
01.01.01.03.10.NN3	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	1.887.000	1.527.935	359.065		8.910	1.895.910
01.01.01.03.20.NN3	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	1.685.264	1.364.586	320.678		8.910	1.694.174
01.01.01.03.30.NN3	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	1.630.030	1.319.862	310.168		8.910	1.638.940
01.01.01.03.40.NN3	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	1.563.888	1.266.306	297.582		8.910	1.572.798
01.01.01.03.50.NN3	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.422.524	1.151.842	270.683		8.910	1.431.434
01.01.01.03.60.NN3	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	1.685.264	1.364.586	320.678		8.910	1.694.174
01.01.01.03.70.NN3	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	1.630.030	1.319.862	310.168		8.910	1.638.940
01.01.01.03.80.NN3	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	1.563.888	1.266.306	297.582		8.910	1.572.798

01.01.01.03.90.NN3	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.422.524	1.151.842	270.683		8.910	1.431.434
01.01.01.04.10.NN3	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	4.044.841	3.275.175	769.666		17.490	4.062.331
01.01.01.04.20.NN3	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	3.634.969	2.943.295	691.674		17.490	3.652.459
01.01.01.04.30.NN3	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	3.504.513	2.837.663	666.851		17.490	3.522.003
01.01.01.04.40.NN3	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	3.366.460	2.725.879	640.582		17.490	3.383.950
01.01.01.04.50.NN3	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	3.094.642	2.505.783	588.859		17.490	3.112.132
01.01.01.04.60.NN3	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	3.776.332	3.057.759	718.573		17.490	3.793.822
01.01.01.04.70.NN3	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	3.634.969	2.943.295	691.674		17.490	3.652.459
01.01.01.04.80.NN3	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	3.504.513	2.837.663	666.851		17.490	3.522.003
01.01.01.04.90.NN3	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	3.225.097	2.611.414	613.682		17.490	3.242.587

01.01.02.01.10.NN3	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	18.508.013	14.986.245	3.521.768		87.450	18.595.463
01.01.02.01.20.NN3	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	17.007.839	13.771.530	3.236.309		87.450	17.095.289
01.01.02.01.30.NN3	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	16.517.355	13.374.376	3.142.978		87.450	16.604.805
01.01.02.01.40.NN3	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	16.026.870	12.977.223	3.049.647		87.450	16.114.320
01.01.02.01.50.NN3	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	15.037.737	12.176.305	2.861.432		87.450	15.125.187
01.01.02.01.60.NN3	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	17.509.799	14.177.975	3.331.824		87.450	17.597.249
01.01.02.01.70.NN3	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	17.007.839	13.771.530	3.236.309		87.450	17.095.289
01.01.02.01.80.NN3	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	16.517.355	13.374.376	3.142.978		87.450	16.604.805
01.01.02.01.90.NN3	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	15.533.990	12.578.130	2.955.860		87.450	15.621.440
01.01.03.01.10.NN3	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký 1 kỳ	16.192.288	13.111.165	3.081.124		69.960	16.262.248

01.01.03.01.20.NN3	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký 1 kỳ	14.670.362	11.878.836	2.791.526		69.960	14.740.322
01.01.03.01.30.NN3	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký 1 kỳ	14.165.470	11.470.016	2.695.454		69.960	14.235.430
01.01.03.01.40.NN3	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký 1 kỳ	13.657.268	11.058.517	2.598.751		69.960	13.727.228
01.01.03.01.50.NN3	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký 1 kỳ	12.649.313	10.242.359	2.406.954		69.960	12.719.273
01.01.03.01.60.NN3	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký 1 kỳ	15.173.425	12.286.174	2.887.251		69.960	15.243.385
01.01.03.01.70.NN3	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký 1 kỳ	14.670.362	11.878.836	2.791.526		69.960	14.740.322
01.01.03.01.80.NN3	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký 1 kỳ	14.165.470	11.470.016	2.695.454		69.960	14.235.430
01.01.03.01.90.NN3	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký 1 kỳ	13.154.205	10.651.178	2.503.027		69.960	13.224.165
01.01.03.02.10.NN3	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	16.434.882	13.307.597	3.127.285		69.960	16.504.842
01.01.03.02.20.NN3	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.854.475	12.027.915	2.826.560		69.960	14.924.435

01.01.03.02.30.NN3	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.326.853	11.600.690	2.726.162		69.960	14.396.813
01.01.03.02.40.NN3	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	13.805.000	11.178.137	2.626.862		69.960	13.874.960
01.01.03.02.50.NN3	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.746.445	10.321.008	2.425.437		69.960	12.816.405
01.01.03.02.60.NN3	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	15.385.407	12.457.820	2.927.588		69.960	15.455.367
01.01.03.02.70.NN3	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.854.475	12.027.915	2.826.560		69.960	14.924.435
01.01.03.02.80.NN3	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.326.853	11.600.690	2.726.162		69.960	14.396.813
01.01.03.02.90.NN3	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	13.268.298	10.743.561	2.524.737		69.960	13.338.258
01.01.04.01.10.NN3	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	14.320.201	11.595.304	2.724.896		69.960	14.390.161
01.01.04.01.20.NN3	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	12.874.883	10.425.006	2.449.876		69.960	12.944.843
01.01.04.01.30.NN3	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	12.386.448	10.029.512	2.356.935		69.960	12.456.408

01.01.04.01.40.NN3	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	11.898.013	9.634.018	2.263.994		69.960	11.967.973
01.01.04.01.50.NN3	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	10.935.361	8.854.543	2.080.818		69.960	11.005.321
01.01.04.01.60.NN3	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	13.352.410	10.811.668	2.540.742		69.960	13.422.370
01.01.04.01.70.NN3	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	12.874.883	10.425.006	2.449.876		69.960	12.944.843
01.01.04.01.80.NN3	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	12.386.448	10.029.512	2.356.935		69.960	12.456.408
01.01.04.01.90.NN3	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	11.423.796	9.250.037	2.173.759		69.960	11.493.756
01.01.05.01.10.NN3	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.462.247	8.471.455	1.990.792		46.640	10.508.887
01.01.05.01.20.NN3	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.463.750	7.662.955	1.800.795		46.640	9.510.390
01.01.05.01.30.NN3	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.128.501	7.391.498	1.737.002		46.640	9.175.141

01.01.05.01.40.NN3	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.802.331	7.127.393	1.674.937		46.640	8.848.971
01.01.05.01.50.NN3	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.140.911	6.591.831	1.549.080		46.640	8.187.551
01.01.05.01.60.NN3	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.800.828	7.935.893	1.864.935		46.640	9.847.468
01.01.05.01.70.NN3	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.463.750	7.662.955	1.800.795		46.640	9.510.390
01.01.05.01.80.NN3	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.128.501	7.391.498	1.737.002		46.640	9.175.141
01.01.05.01.90.NN3	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.476.161	6.863.288	1.612.873		46.640	8.522.801
01.01.06.01.NN3	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chú thích tiếng nước ngoài)		01 bức ảnh (tin ảnh)	2.283.221	1.848.762	434.459		1.452	2.284.673
01.01.06.02.NN3	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chú thích tiếng nước ngoài)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	932.198	754.816	177.382		1.452	933.650
01.01.07.01.NN3	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chú thích tiếng nước ngoài)		01 bức tranh	1.173.499	950.202	223.297		1.155	1.174.654
01.01.07.02.NN3	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biếm họa (chú thích tiếng nước ngoài)		01 bức tranh	1.415.809	1.146.404	269.405		1.155	1.416.964

01.01.08.01.NN3	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc		01 tin /bài trả lời bạn đọc	2.064.334	1.671.526	392.809		34.980	2.099.314
01.02.01.01.NN3	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin vắn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin vắn	286.037	231.609	54.428		2.332	288.369
01.02.01.02.NN3	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	538.120	435.725	102.395		3.498	541.618
01.02.01.03.NN3	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	909.247	736.232	173.015		5.830	915.077
01.02.01.04.NN3	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	1.987.064	1.608.958	378.105		12.826	1.999.890
01.02.03.01.NN3	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	9.623.020	7.791.919	1.831.101		87.450	9.710.470
01.02.04.01.NN3	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký 1 kỳ	7.301.243	5.911.938	1.389.305		69.960	7.371.203
01.02.04.02.NN3	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỳ	7.346.515	5.948.595	1.397.920		69.960	7.416.475
01.02.05.01.NN3	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	5.670.331	4.591.361	1.078.970		69.960	5.740.291
01.02.06.01.NN3	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	5.000.525	4.049.008	951.517		23.320	5.023.845
01.02.06.02.NN3	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	2.910.718	2.356.857	553.861		5.830	2.916.548
01.02.07.01.NN3	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	4.563.509	3.695.149	868.360		46.640	4.610.149

01.02.08.01.NN3	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	7.188.695	5.820.805	1.367.889		29.150	7.217.845
01.02.09.01.NN3	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	843.325	682.855	160.471		2.332	845.657
01.02.09.02.NN3	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	509.589	412.623	96.966		2.332	511.921
01.02.09.03.NN3	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	488.971	395.928	93.043		2.332	491.303
01.02.10.01.NN3	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm (chú thích tiếng nước ngoài)	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	519.236	420.434	98.802		2.332	521.568
01.02.10.02.NN3	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng (chú thích tiếng nước ngoài)	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	513.467	415.763	97.704		2.332	515.799
01.02.10.03.NN3	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm (chú thích tiếng nước ngoài)	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	686.546	555.907	130.638		2.332	688.878
01.02.10.04.NN3	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng (chú thích tiếng nước ngoài)	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	600.006	485.835	114.171		2.332	602.338

Bảng 1.2. Đơn giá trực tiếp Thiết kế, chế bản báo in

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT					
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu
						Tổng nhân công	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương			
						<i>I</i>			<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=I+2+3</i>
02.01.01.01	1	02.01.01.01	Thiết kế layout trang báo in khổ A3.	Thiết kế lần đầu	01 trang A3	673.872	545.645	128.227		1.500	675.372
02.01.01.01b	2	02.01.01.01b	Thiết kế layout trang báo in khổ A3.	Chỉnh sửa lại layout đã thiết kế trước cho phù hợp	01 trang A3	67.387	54.565	12.823		1.500	68.887
02.01.01.02	3	02.01.01.02	Thiết kế layout trang báo in khổ A4.	Thiết kế lần đầu	01 trang A4	354.670	287.182	67.488		750	355.420
02.01.01.02b	4	02.01.01.02b	Thiết kế layout trang báo in khổ A4.	Chỉnh sửa lại layout đã thiết kế trước cho phù hợp	01 trang A4	35.467	28.718	6.749		750	36.217
02.02.01.01	5	02.02.01.01	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A3	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A3	350.729	283.991	66.738		1.800	352.529
02.02.01.01b	6	02.02.01.01b	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A3	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A3	420.875	340.789	80.085		1.800	422.675

02.02.01.02	7	02.02.01.02	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A4	271.913	220.173	51.741		1.800	273.713
02.02.01.02b	8	02.02.01.02b	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A4	326.296	264.207	62.089		1.800	328.096
02.02.01.03	9	02.02.01.03	Thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san), bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh hoạ.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bìa ngoài sách	1.846.173	1.494.877	351.296		2.750	1.848.923
02.02.01.03b	10	02.02.01.03b	Thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bìa ngoài sách	2.215.408	1.793.853	421.555		2.750	2.218.158
02.03.01.01	11	02.03.01.01	Thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	9.064	7.339	1.725		1.800	10.864
02.03.01.01b	12	02.03.01.01b	Thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	10.877	8.807	2.070		1.800	12.677
02.04.01.01	13	02.04.01.01	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	45.319	36.695	8.623		1.800	47.119
02.04.01.01b	14	02.04.01.01b	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	54.383	44.035	10.348		1.800	56.183

02.05.01.01	15	02.05.01.01	Thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	37.043	29.995	7.049		1.800	38.843
02.05.01.01b	16	02.05.01.01b	Thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	44.452	35.993	8.458		1.800	46.252

Bảng 1.3. Đơn giá trực tiếp Thiết kế, chế bản, đăng tải báo điện tử

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT					
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	Đơn giá trực tiếp nhân công và vật liệu
						Tổng nhân công	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương			
						1			2	3	4=1+2+3
03.01.01.01	1	03.01.01.01	Thiết kế layout trang báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang	35.467	28.718	6.749		1.250	36.717
03.01.01.01b	2	03.01.01.01b	Thiết kế layout trang báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang	42.560	34.462	8.099		1.250	43.810
03.02.01.01	3	03.02.01.01	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	137.927	111.682	26.245		750	138.677

03.02.01.01b	4	03.02.01.01b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	165.512	134.018	31.494		750	166.262
03.02.01.02	5	03.02.01.02	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	165.512	134.018	31.494		750	166.262
03.02.01.02b	6	03.02.01.02b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	198.615	160.822	37.793		750	199.365
03.02.01.03	7	03.02.01.03	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	145.809	118.064	27.745		750	146.559
03.02.01.03b	8	03.02.01.03b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	174.970	141.676	33.294		750	175.720
03.02.01.04	9	03.02.01.04	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	153.690	124.445	29.245		750	154.440
03.02.01.04b	10	03.02.01.04b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	184.428	149.335	35.094		750	185.178
03.02.01.05	11	03.02.01.05	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	189.157	153.164	35.993		750	189.907
03.02.01.05b	12	03.02.01.05b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	226.989	183.796	43.192		750	227.739

03.03.01.01	13	03.03.01.01	Thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	37.437	30.314	7.124		2.800	40.237
03.03.01.01b	14	03.03.01.01b	Thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	44.925	36.376	8.548		2.800	47.725
03.04.01.01	15	03.04.01.01	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	13.399	10.849	2.550		1.800	15.199
03.04.01.01b	16	03.04.01.01b	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	16.078	13.019	3.059		1.800	17.878
03.05.01.01	17	03.05.01.01	Thiết kế trình bày bảng biểu, hộp chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	40.984	33.185	7.799		1.800	42.784
03.05.01.01b	18	03.05.01.01b	Thiết kế trình bày bảng biểu, hộp chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	49.181	39.823	9.358		1.800	50.981

**Phần II - ĐƠN GIÁ TỔNG HỢP KHÔNG ĐẦY ĐỦ
SẢN XUẤT SẢN PHẨM, TÁC PHẨM BÁO IN, BÁO ĐIỆN TỬ - THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM**

A. Điều kiện áp dụng:

1. Đơn giá tổng hợp không đầy đủ sản xuất sản phẩm, tác phẩm báo in, báo điện tử bao gồm:

- Chi phí sản xuất trực tiếp:

+ Chi phí nhân công trực tiếp phù hợp với các định mức công tác theo Thông tư 18/2021/TT-BTTTT

+ Chi phí vật liệu sử dụng trực tiếp phù với các định mức công tác theo Thông tư 18/2021/TT-BTTTT.

+ Chi phí máy móc, thiết bị: theo Thông tư 18/2021/TT-BTTTT.

+ Chi phí sản xuất chung trực tiếp khác.

- Chi phí quản lý

2. Đơn giá chưa bao gồm các chi phí sau:

+ Chi phí in, phát hành (đối với báo in, tạp chí in hoặc các sản phẩm in khác);

+ Lợi nhuận;

+ Thuế GTGT (nếu có).

B. Đơn giá:

Bảng 1.1. Đơn giá tổng hợp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng tiếng Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	ST T	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT - Bảng tiếng VN						Chi phí liên quan khác trong hoạt động báo chí (theo TT45/2024/TT-BTC)			Đơn giá tổng hợp không đầy đủ (VNĐ)
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	(VL+N C+M) theo ĐM	Chi phí SX chung không phân tách được	Chi phí nhân công QL và gián tiếp	Chi phí QL khác	
						NC	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương							
						1			2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=4+5+6+7
01.01.01.01.10	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	676.447	547.730	128.717	12.785	2.750	691.982	84.556	97.408	133.936	1.007.882
01.01.01.01.20	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	599.339	485.295	114.044	10.858	2.750	612.947	74.917	86.305	118.669	892.838
01.01.01.01.30	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	572.542	463.597	108.945	10.315	2.750	585.607	71.568	82.446	113.363	852.984
01.01.01.01.40	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	536.654	434.538	102.116	9.636	2.750	549.041	67.082	77.278	106.258	799.658
01.01.01.01.50	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin văn	486.344	393.801	92.543	8.279	2.750	497.373	60.793	70.034	96.296	724.496

01.01.01.01.60	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin văn	635.226	514.353	120.873	11.536	2.750	649.513	79.403	91.473	125.775	946.163
01.01.01.01.70	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin văn	599.339	485.295	114.044	10.858	2.750	612.947	74.917	86.305	118.669	892.838
01.01.01.01.80	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin văn	572.542	463.597	108.945	10.315	2.750	585.607	71.568	82.446	113.363	852.984
01.01.01.01.90	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin văn	522.231	422.859	99.372	8.958	2.750	533.939	65.279	75.201	103.402	777.821
01.01.01.02.10	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	941.083	762.010	179.072	18.079	4.455	963.617	117.635	135.516	186.334	1.403.102
01.01.01.02.20	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	828.088	670.516	157.571	15.338	4.455	847.880	103.511	119.245	163.961	1.234.597
01.01.01.02.30	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	804.049	651.052	152.997	14.523	4.455	823.027	100.506	115.783	159.202	1.198.518
01.01.01.02.40	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	763.354	618.100	145.254	13.573	4.455	781.382	95.419	109.923	151.144	1.137.869
01.01.01.02.50	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	691.054	559.558	131.496	11.809	4.455	707.318	86.382	99.512	136.829	1.030.040
01.01.01.02.60	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng	01 tin ngắn	868.783	703.468	165.315	16.288	4.455	889.525	108.598	125.105	172.019	1.295.247

				NN đến 30%											
01.01.01.02.70	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	828.088	670.516	157.571	15.338	4.455	847.880	103.511	119.245	163.961	1.234.597
01.01.01.02.80	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	804.049	651.052	152.997	14.523	4.455	823.027	100.506	115.783	159.202	1.198.518
01.01.01.02.90	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	731.749	592.509	139.240	12.623	4.455	748.827	91.469	105.372	144.886	1.090.554
01.01.01.03.10	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	1.572.500	1.273.279	299.221	29.861	8.910	1.611.270	196.562	226.440	311.355	2.345.628
01.01.01.03.20	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	1.404.386	1.137.155	267.231	25.382	8.910	1.438.679	175.548	202.232	278.068	2.094.527
01.01.01.03.30	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	1.358.358	1.099.885	258.473	23.889	8.910	1.391.158	169.795	195.604	268.955	2.025.511
01.01.01.03.40	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	1.303.240	1.055.255	247.985	22.397	8.910	1.334.546	162.905	187.667	258.041	1.943.159
01.01.01.03.50	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.185.437	959.868	225.569	19.411	8.910	1.213.758	148.180	170.703	234.717	1.767.357
01.01.01.03.60	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	1.404.386	1.137.155	267.231	26.875	8.910	1.440.171	175.548	202.232	278.068	2.096.020

01.01.01.03.70	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	1.358.358	1.099.885	258.473	25.382	8.910	1.392.650	169.795	195.604	268.955	2.027.004
01.01.01.03.80	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	1.303.240	1.055.255	247.985	23.889	8.910	1.336.039	162.905	187.667	258.041	1.944.652
01.01.01.03.90	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.185.437	959.868	225.569	20.904	8.910	1.215.251	148.180	170.703	234.717	1.768.850
01.01.01.04.10	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	3.370.701	2.729.312	641.388	64.702	17.490	3.452.892	421.338	485.381	667.399	5.027.009
01.01.01.04.20	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	3.029.141	2.452.745	576.395	54.971	17.490	3.101.602	378.643	436.196	599.770	4.516.210
01.01.01.04.30	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	2.920.428	2.364.719	555.709	51.714	17.490	2.989.632	365.053	420.542	578.245	4.353.472
01.01.01.04.40	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	2.805.384	2.271.566	533.818	48.593	17.490	2.871.466	350.673	403.975	555.466	4.181.580
01.01.01.04.50	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	2.578.868	2.088.152	490.716	42.079	17.490	2.638.437	322.358	371.357	510.616	3.842.768
01.01.01.04.60	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	3.146.943	2.548.132	598.811	58.228	17.490	3.222.662	393.368	453.160	623.095	4.692.284
01.01.01.04.70	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng	01 bài phản ánh	3.029.141	2.452.745	576.395	54.971	17.490	3.101.602	378.643	436.196	599.770	4.516.210

				NN đến 50%											
01.01.01.04.80	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	2.920.428	2.364.719	555.709	51.714	17.490	2.989.632	365.053	420.542	578.245	4.353.472
01.01.01.04.90	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	2.687.581	2.176.179	511.402	45.336	17.490	2.750.406	335.948	387.012	532.141	4.005.507
01.01.02.01.10	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	15.423.344	12.488.537	2.934.806	204.517	87.450	15.715.311	1.927.918	2.220.962	3.053.822	22.918.012
01.01.02.01.20	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	14.173.199	11.476.275	2.696.925	173.887	87.450	14.434.537	1.771.650	2.040.941	2.806.293	21.053.421
01.01.02.01.30	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	13.764.462	11.145.314	2.619.149	163.573	87.450	14.015.486	1.720.558	1.982.083	2.725.364	20.443.490
01.01.02.01.40	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	13.355.725	10.814.353	2.541.373	153.395	87.450	13.596.571	1.669.466	1.923.224	2.644.434	19.833.694
01.01.02.01.50	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	12.531.447	10.146.921	2.384.526	132.903	87.450	12.751.800	1.566.431	1.804.528	2.481.227	18.603.986
01.01.02.01.60	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	14.591.499	11.814.979	2.776.520	184.066	87.450	14.863.015	1.823.937	2.101.176	2.889.117	21.677.245
01.01.02.01.70	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	14.173.199	11.476.275	2.696.925	173.887	87.450	14.434.537	1.771.650	2.040.941	2.806.293	21.053.421

01.01.02.01.80	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	13.764.462	11.145.314	2.619.149	163.573	87.450	14.015.486	1.720.558	1.982.083	2.725.364	20.443.490
01.01.02.01.90	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	12.944.992	10.481.775	2.463.217	143.217	87.450	13.175.659	1.618.124	1.864.079	2.563.108	19.220.970
01.01.03.01.10	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	13.493.574	10.925.971	2.567.603	495.111	69.960	14.058.645	1.686.697	1.943.075	2.671.728	20.360.144
01.01.03.01.20	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	12.225.302	9.899.030	2.326.272	420.800	69.960	12.716.061	1.528.163	1.760.443	2.420.610	18.425.277
01.01.03.01.30	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	11.804.558	9.558.347	2.246.212	396.206	69.960	12.270.724	1.475.570	1.699.856	2.337.303	17.783.453
01.01.03.01.40	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	11.381.057	9.215.431	2.165.626	371.383	69.960	11.822.399	1.422.632	1.638.872	2.253.449	17.137.353
01.01.03.01.50	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	10.541.094	8.535.299	2.005.795	321.872	69.960	10.932.926	1.317.637	1.517.918	2.087.137	15.855.617
01.01.03.01.60	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	12.644.521	10.238.479	2.406.042	445.623	69.960	13.160.104	1.580.565	1.820.811	2.503.615	19.065.095
01.01.03.01.70	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng	01 bài Ký sự/phóng sự 1	12.225.302	9.899.030	2.326.272	420.800	69.960	12.716.061	1.528.163	1.760.443	2.420.610	18.425.277

			sự	NN đến 50%	kỳ										
01.01.03.01.80	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	11.804.558	9.558.347	2.246.212	396.206	69.960	12.270.724	1.475.570	1.699.856	2.337.303	17.783.453
01.01.03.01.90	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	10.961.837	8.875.982	2.085.856	346.695	69.960	11.378.492	1.370.230	1.578.505	2.170.444	16.497.670
01.01.03.02.10	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	13.695.735	11.089.664	2.606.071	512.472	69.960	14.278.167	1.711.967	1.972.186	2.711.756	20.674.075
01.01.03.02.20	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.378.729	10.023.262	2.355.467	435.645	69.960	12.884.334	1.547.341	1.782.537	2.450.988	18.665.200
01.01.03.02.30	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.939.044	9.667.242	2.271.802	409.862	69.960	12.418.866	1.492.380	1.719.222	2.363.931	17.994.399
01.01.03.02.40	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.504.166	9.315.115	2.189.052	384.444	69.960	11.958.570	1.438.021	1.656.600	2.277.825	17.331.016
01.01.03.02.50	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	10.622.038	8.600.840	2.021.197	333.107	69.960	11.025.105	1.327.755	1.529.573	2.103.163	15.985.596
01.01.03.02.60	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.821.173	10.381.516	2.439.656	461.199	69.960	13.352.331	1.602.647	1.846.249	2.538.592	19.339.819
01.01.03.02.70	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.378.729	10.023.262	2.355.467	435.645	69.960	12.884.334	1.547.341	1.782.537	2.450.988	18.665.200

			điều tra	NN đến 50%											
01.01.03.02.80	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.939.044	9.667.242	2.271.802	409.862	69.960	12.418.866	1.492.380	1.719.222	2.363.931	17.994.399
01.01.03.02.90	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	11.056.915	8.952.968	2.103.947	358.890	69.960	11.485.765	1.382.114	1.592.196	2.189.269	16.649.345
01.01.04.01.10	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	11.933.501	9.662.753	2.270.747	446.901	69.960	12.450.362	1.491.688	1.718.424	2.362.833	18.023.307
01.01.04.01.20	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	10.729.069	8.687.505	2.041.564	379.911	69.960	11.178.940	1.341.134	1.544.986	2.124.356	16.189.415
01.01.04.01.30	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	10.322.040	8.357.927	1.964.113	357.540	69.960	10.749.540	1.290.255	1.486.374	2.043.764	15.569.932
01.01.04.01.40	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	9.915.010	8.028.349	1.886.662	335.263	69.960	10.320.234	1.239.376	1.427.762	1.963.172	14.950.543
01.01.04.01.50	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	9.112.800	7.378.786	1.734.015	290.386	69.960	9.473.146	1.139.100	1.312.243	1.804.334	13.728.824
01.01.04.01.60	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	11.127.008	9.009.723	2.117.285	402.188	69.960	11.599.156	1.390.876	1.602.289	2.203.148	16.795.469
01.01.04.01.70	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	10.729.069	8.687.505	2.041.564	379.911	69.960	11.178.940	1.341.134	1.544.986	2.124.356	16.189.415

01.01.04.01.80	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	10.322.040	8.357.927	1.964.113	357.540	69.960	10.749.540	1.290.255	1.486.374	2.043.764	15.569.932
01.01.04.01.90	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	9.519.830	7.708.364	1.811.466	312.892	69.960	9.902.682	1.189.979	1.370.855	1.884.926	14.348.443
01.01.05.01.10	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.718.539	7.059.546	1.658.993	158.125	46.640	8.923.304	1.089.817	1.255.470	1.726.271	12.994.862
01.01.05.01.20	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.886.458	6.385.796	1.500.662	134.376	46.640	8.067.474	985.807	1.135.650	1.561.519	11.750.450
01.01.05.01.30	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.607.084	6.159.582	1.447.502	126.505	46.640	7.780.228	950.885	1.095.420	1.506.203	11.332.737
01.01.05.01.40	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.335.276	5.939.494	1.395.781	118.634	46.640	7.500.549	916.909	1.056.280	1.452.385	10.926.123
01.01.05.01.50	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	6.784.093	5.493.193	1.290.900	102.755	46.640	6.933.488	848.012	976.909	1.343.250	10.101.660
01.01.05.01.60	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.167.357	6.613.244	1.554.112	142.383	46.640	8.356.379	1.020.920	1.176.099	1.617.137	12.170.535
01.01.05.01.70	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.886.458	6.385.796	1.500.662	134.376	46.640	8.067.474	985.807	1.135.650	1.561.519	11.750.450
01.01.05.01.80	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01	sử dụng tư liệu khai	01 bài nghiên	7.607.084	6.159.582	1.447.502	126.505	46.640	7.780.228	950.885	1.095.420	1.506.203	11.332.737

			bài nghiên cứu trao đổi	thác lại tiếng NN đến 70%	cứu trao đổi										
01.01.05.01.90	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	7.063.467	5.719.407	1.344.061	110.762	46.640	7.220.870	882.933	1.017.139	1.398.567	10.519.509
01.01.06.01	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chủ thích tiếng Việt Nam)		01 bức ảnh (tin ảnh)	1.902.684	1.540.635	362.049	74.850	1.452	1.978.985	237.835	273.986	376.731	2.867.539
01.01.06.02	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chủ thích tiếng Việt Nam)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	776.831	629.013	147.818	29.802	1.452	808.086	97.104	111.864	153.813	1.170.866
01.01.07.01	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chủ thích tiếng Việt Nam)		01 bức tranh	977.916	791.835	186.081	17.647	1.155	996.718	122.239	140.820	193.627	1.453.405
01.01.07.02	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biếm họa (chủ thích tiếng Việt Nam.)		01 bức tranh	1.179.841	955.337	224.504	21.488	1.155	1.202.484	147.480	169.897	233.609	1.753.470
01.01.08.01	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc		01 tin /bài trả lời bạn đọc	1.720.279	1.392.938	327.340	34.053	34.980	1.789.312	215.035	247.720	340.615	2.592.682
01.02.01.01	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin văn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin văn	238.364	193.007	45.357	4.615	2.332	245.311	29.796	34.324	47.196	356.627
01.02.01.02	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	448.434	363.104	85.329	7.737	3.498	459.669	56.054	64.574	88.790	669.087

01.02.01.03	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	757.706	613.527	144.179	13.302	5.830	776.838	94.713	109.110	150.026	1.130.686
01.02.01.04	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	1.655.886	1.340.799	315.088	28.098	12.826	1.696.811	206.986	238.448	327.866	2.470.110
01.02.03.01	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	8.019.184	6.493.266	1.525.918	106.575	87.450	8.213.209	1.002.398	1.154.762	1.587.798	11.958.167
01.02.04.01	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký sự/phóng sự 1 kỳ	6.084.369	4.926.615	1.157.754	115.388	69.960	6.269.717	760.546	876.149	1.204.705	9.111.117
01.02.04.02	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỳ	6.122.096	4.957.162	1.164.933	117.423	69.960	6.309.479	765.262	881.582	1.212.175	9.168.498
01.02.05.01	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	4.725.275	3.826.134	899.141	87.839	69.960	4.883.074	590.659	680.440	935.605	7.089.778
01.02.06.01	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	4.167.104	3.374.174	792.931	80.080	23.320	4.270.505	520.888	600.063	825.087	6.216.542
01.02.06.02	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	2.425.598	1.964.047	461.551	46.823	5.830	2.478.251	303.200	349.286	480.268	3.611.005
01.02.07.01	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	3.802.924	3.079.291	723.633	70.321	46.640	3.919.885	475.366	547.621	752.979	5.695.851
01.02.08.01	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học	tác phẩm báo chí của tác giả sáng	01 bài báo khoa	5.990.579	4.850.671	1.139.908	111.297	29.150	6.131.025	748.822	862.643	1.186.135	8.928.626

				tạo gửi đăng	học										
01.02.09.01	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	702.771	569.045	133.726	13.843	2.332	718.947	87.846	101.199	139.149	1.047.141
01.02.09.02	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	424.658	343.852	80.805	8.551	2.332	435.540	53.082	61.151	84.082	633.856
01.02.09.03	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	407.476	329.940	77.536	8.144	2.332	417.952	50.934	58.677	80.680	608.243
01.02.10.01	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	432.697	350.362	82.335	9.772	2.332	444.801	54.087	62.308	85.674	646.870
01.02.10.02	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	427.889	346.469	81.420	9.636	2.332	439.858	53.486	61.616	84.722	639.682
01.02.10.03	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	572.121	463.256	108.865	12.893	2.332	587.347	71.515	82.385	113.280	854.528
01.02.10.04	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng, chú thích tiếng Việt Nam.	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	500.005	404.863	95.143	11.265	2.332	513.602	62.501	72.001	99.001	747.105

Bảng 2.1. Đơn giá tổng hợp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng tiếng Dân tộc hoặc tiếng Nước ngoài (tiếng các nước thuộc LHQ)

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	ST T	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT – bằng tiếng Dân tộc hoặc tiếng Nước ngoài			Chi phí liên quan khác trong hoạt động báo chí (theo TT25/2014/TT-BTC)			Đơn giá tổng hợp không đầy đủ (VNĐ)			
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	(VL+NC+M) theo ĐM		Chi phí SX chung không phân tách được	Chi phí nhân công QL và gián tiếp	Chi phí QL khác
						I			2	3	4=I+2+3	5	6	7	8=4+5+6+7
01.01.01.01.1 0.NN1	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	1.014.670	821.595	193.075	19.177	2.750	1.036.597	126.834	146.113	200.905	1.510.448
01.01.01.01.2 0.NN1	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	899.008	727.942	171.066	16.286	2.750	918.045	112.376	129.457	178.004	1.337.882
01.01.01.01.3 0.NN1	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	858.813	695.395	163.418	15.472	2.750	877.035	107.352	123.669	170.045	1.278.100
01.01.01.01.4 0.NN1	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	804.982	651.807	153.175	14.454	2.750	822.186	100.623	115.917	159.386	1.198.112
01.01.01.01.5 0.NN1	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin văn	729.516	590.701	138.815	12.418	2.750	744.684	91.189	105.050	144.444	1.085.368
01.01.01.01.6 0.NN1	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin văn	952.839	771.530	181.310	17.304	2.750	972.893	119.105	137.209	188.662	1.417.870
01.01.01.01.7 0.NN1	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin văn	899.008	727.942	171.066	16.286	2.750	918.045	112.376	129.457	178.004	1.337.882
01.01.01.01.8 0.NN1	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin văn	858.813	695.395	163.418	15.472	2.750	877.035	107.352	123.669	170.045	1.278.100

01.01.01.01.9 0.NN1	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin vắn	783.347	634.289	149.058	13.436	2.750	799.533	97.918	112.802	155.103	1.165.356
01.01.01.02.1 0.NN1	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	1.411.624	1.143.016	268.609	27.117	4.455	1.443.196	176.453	203.274	279.502	2.102.425
01.01.01.02.2 0.NN1	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	1.242.132	1.005.775	236.357	23.005	4.455	1.269.592	155.266	178.867	245.942	1.849.667
01.01.01.02.3 0.NN1	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	1.206.073	976.578	229.496	21.784	4.455	1.232.312	150.759	173.675	238.803	1.795.549
01.01.01.02.4 0.NN1	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	1.145.031	927.151	217.880	20.359	4.455	1.169.845	143.129	164.884	226.716	1.704.574
01.01.01.02.5 0.NN1	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	1.036.581	839.337	197.244	17.713	4.455	1.058.748	129.573	149.268	205.243	1.542.832
01.01.01.02.6 0.NN1	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	1.303.174	1.055.202	247.972	24.430	4.455	1.332.059	162.897	187.657	258.028	1.940.642
01.01.01.02.7 0.NN1	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	1.242.132	1.005.775	236.357	23.005	4.455	1.269.592	155.266	178.867	245.942	1.849.667
01.01.01.02.8 0.NN1	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	1.206.073	976.578	229.496	21.784	4.455	1.232.312	150.759	173.675	238.803	1.795.549
01.01.01.02.9 0.NN1	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	1.097.623	888.764	208.860	18.934	4.455	1.121.012	137.203	158.058	217.329	1.633.603
01.01.01.03.1 0.NN1	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	2.358.750	1.909.919	448.831	44.789	8.910	2.412.448	294.844	339.660	467.032	3.513.984
01.01.01.03.2 0.NN1	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	2.106.579	1.705.732	400.847	38.071	8.910	2.153.561	263.322	303.347	417.103	3.137.333
01.01.01.03.3 0.NN1	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	2.037.537	1.649.828	387.709	35.832	8.910	2.082.279	254.692	293.405	403.432	3.033.809

01.01.01.03.4 0.NN1	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	1.954.860	1.582.882	371.977	33.593	8.910	1.997.362	244.357	281.500	387.062	2.910.282
01.01.01.03.5 0.NN1	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.778.155	1.439.802	338.353	29.114	8.910	1.816.180	222.269	256.054	352.075	2.646.578
01.01.01.03.6 0.NN1	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	2.106.579	1.705.732	400.847	40.310	8.910	2.155.800	263.322	303.347	417.103	3.139.572
01.01.01.03.7 0.NN1	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	2.037.537	1.649.828	387.709	38.071	8.910	2.084.518	254.692	293.405	403.432	3.036.048
01.01.01.03.8 0.NN1	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	1.954.860	1.582.882	371.977	35.832	8.910	1.999.602	244.357	281.500	387.062	2.912.521
01.01.01.03.9 0.NN1	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.778.155	1.439.802	338.353	31.353	8.910	1.818.419	222.269	256.054	352.075	2.648.818
01.01.01.04.1 0.NN1	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	5.056.051	4.093.968	962.083	97.048	17.490	5.170.589	632.006	728.071	1.001.098	7.531.765
01.01.01.04.2 0.NN1	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	4.543.711	3.679.118	864.593	82.452	17.490	4.643.653	567.964	654.294	899.655	6.765.566
01.01.01.04.3 0.NN1	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	4.380.642	3.547.078	833.563	77.567	17.490	4.475.699	547.580	630.812	867.367	6.521.458
01.01.01.04.4 0.NN1	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	4.208.075	3.407.348	800.727	72.885	17.490	4.298.450	526.009	605.963	833.199	6.263.621
01.01.01.04.5 0.NN1	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	3.868.302	3.132.228	736.074	63.114	17.490	3.948.906	483.538	557.035	765.924	5.755.403
01.01.01.04.6 0.NN1	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	4.720.415	3.822.199	898.217	87.338	17.490	4.825.243	590.052	679.740	934.642	7.029.677
01.01.01.04.7 0.NN1	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	4.543.711	3.679.118	864.593	82.452	17.490	4.643.653	567.964	654.294	899.655	6.765.566

01.01.01.04.8 0.NN1	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	4.380.642	3.547.078	833.563	77.567	17.490	4.475.699	547.580	630.812	867.367	6.521.458
01.01.01.04.9 0.NN1	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	4.031.371	3.264.268	767.103	67.999	17.490	4.116.860	503.921	580.517	798.211	5.999.511
01.01.02.01.1 0.NN1	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	23.135.016	18.732.806	4.402.209	306.754	87.450	23.529.220	2.891.877	3.331.442	4.580.733	34.333.272
01.01.02.01.2 0.NN1	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	21.259.799	17.214.412	4.045.387	260.810	87.450	21.608.059	2.657.475	3.061.411	4.209.440	31.536.385
01.01.02.01.3 0.NN1	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	20.646.694	16.717.970	3.928.723	245.339	87.450	20.979.482	2.580.837	2.973.124	4.088.045	30.621.488
01.01.02.01.4 0.NN1	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	20.033.588	16.221.529	3.812.059	230.071	87.450	20.351.109	2.504.199	2.884.837	3.966.650	29.706.795
01.01.02.01.5 0.NN1	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	18.797.171	15.220.381	3.576.790	199.333	87.450	19.083.954	2.349.646	2.706.793	3.721.840	27.862.232
01.01.02.01.6 0.NN1	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	21.887.249	17.722.469	4.164.780	276.077	87.450	22.250.776	2.735.906	3.151.764	4.333.675	32.472.121
01.01.02.01.7 0.NN1	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	21.259.799	17.214.412	4.045.387	260.810	87.450	21.608.059	2.657.475	3.061.411	4.209.440	31.536.385
01.01.02.01.8 0.NN1	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	20.646.694	16.717.970	3.928.723	245.339	87.450	20.979.482	2.580.837	2.973.124	4.088.045	30.621.488
01.01.02.01.9 0.NN1	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	19.417.488	15.722.662	3.694.826	214.804	87.450	19.719.742	2.427.186	2.796.118	3.844.663	28.787.708
01.01.03.01.1 0.NN1	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký sự/phóng sự	20.240.360	16.388.956	3.851.405	623.696	69.960	20.934.017	2.530.045	2.914.612	4.007.591	30.386.265
01.01.03.01.2 0.NN1	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.337.952	14.848.544	3.489.408	530.114	69.960	18.938.027	2.292.244	2.640.665	3.630.915	27.501.850

01.01.03.01.3 0.NN1	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.706.838	14.337.520	3.369.317	499.074	69.960	18.275.872	2.213.355	2.549.785	3.505.954	26.544.965
01.01.03.01.4 0.NN1	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.071.585	13.823.146	3.248.439	467.805	69.960	17.609.350	2.133.948	2.458.308	3.380.174	25.581.780
01.01.03.01.5 0.NN1	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	15.811.641	12.802.948	3.008.693	405.469	69.960	16.287.070	1.976.455	2.276.876	3.130.705	23.671.107
01.01.03.01.6 0.NN1	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.966.782	15.357.718	3.609.064	561.384	69.960	19.598.125	2.370.848	2.731.217	3.755.423	28.455.612
01.01.03.01.7 0.NN1	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.337.952	14.848.544	3.489.408	530.114	69.960	18.938.027	2.292.244	2.640.665	3.630.915	27.501.850
01.01.03.01.8 0.NN1	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	17.706.838	14.337.520	3.369.317	499.074	69.960	18.275.872	2.213.355	2.549.785	3.505.954	26.544.965
01.01.03.01.9 0.NN1	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phỏng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký sự/phóng sự	16.442.756	13.313.972	3.128.784	436.739	69.960	16.949.455	2.055.344	2.367.757	3.255.666	24.628.222
01.01.03.02.1 0.NN1	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	20.543.603	16.634.496	3.909.107	643.886	69.960	21.257.449	2.567.950	2.958.279	4.067.633	30.851.312
01.01.03.02.2 0.NN1	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	18.568.094	15.034.894	3.533.200	547.334	69.960	19.185.388	2.321.012	2.673.805	3.676.483	27.856.688
01.01.03.02.3 0.NN1	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.908.566	14.500.863	3.407.703	514.969	69.960	18.493.495	2.238.571	2.578.833	3.545.896	26.856.795
01.01.03.02.4 0.NN1	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.256.250	13.972.672	3.283.578	483.037	69.960	17.809.247	2.157.031	2.484.900	3.416.737	25.867.916
01.01.03.02.5 0.NN1	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	15.933.056	12.901.260	3.031.796	418.537	69.960	16.421.553	1.991.632	2.294.360	3.154.745	23.862.291

01.01.03.02.6 0.NN1	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.231.759	15.572.275	3.659.485	579.470	69.960	19.881.189	2.403.970	2.769.373	3.807.888	28.862.420
01.01.03.02.7 0.NN1	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	18.568.094	15.034.894	3.533.200	547.334	69.960	19.185.388	2.321.012	2.673.805	3.676.483	27.856.688
01.01.03.02.8 0.NN1	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.908.566	14.500.863	3.407.703	514.969	69.960	18.493.495	2.238.571	2.578.833	3.545.896	26.856.795
01.01.03.02.9 0.NN1	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	16.585.373	13.429.451	3.155.921	450.902	69.960	17.106.234	2.073.172	2.388.294	3.283.904	24.851.603
01.01.04.01.1 0.NN1	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	17.900.251	14.494.130	3.406.121	558.747	69.960	18.528.958	2.237.531	2.577.636	3.544.250	26.888.375
01.01.04.01.2 0.NN1	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	16.093.604	13.031.258	3.062.346	474.976	69.960	16.638.539	2.011.700	2.317.479	3.186.533	24.154.252
01.01.04.01.3 0.NN1	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	15.483.060	12.536.890	2.946.169	447.041	69.960	16.000.060	1.935.382	2.229.561	3.065.646	23.230.649
01.01.04.01.4 0.NN1	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	14.872.516	12.042.523	2.829.993	419.132	69.960	15.361.608	1.859.064	2.141.642	2.944.758	22.307.072
01.01.04.01.5 0.NN1	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	13.669.201	11.068.179	2.601.022	363.059	69.960	14.102.219	1.708.650	1.968.365	2.706.502	20.485.736
01.01.04.01.6 0.NN1	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	16.690.512	13.514.585	3.175.927	502.885	69.960	17.263.357	2.086.314	2.403.434	3.304.721	25.057.826
01.01.04.01.7 0.NN1	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	16.093.604	13.031.258	3.062.346	474.976	69.960	16.638.539	2.011.700	2.317.479	3.186.533	24.154.252
01.01.04.01.8 0.NN1	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	15.483.060	12.536.890	2.946.169	447.041	69.960	16.000.060	1.935.382	2.229.561	3.065.646	23.230.649

01.01.04.01.9 0.NN1	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	14.279.745	11.562.546	2.717.198	391.197	69.960	14.740.902	1.784.968	2.056.283	2.827.389	21.409.542
01.01.05.01.1 0.NN1	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	13.077.809	10.589.319	2.488.490	237.176	46.640	13.361.625	1.634.726	1.883.204	2.589.406	19.468.962
01.01.05.01.2 0.NN1	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.829.687	9.578.694	2.250.993	201.552	46.640	12.077.880	1.478.711	1.703.475	2.342.278	17.602.344
01.01.05.01.3 0.NN1	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.410.626	9.239.373	2.171.253	189.746	46.640	11.647.011	1.426.328	1.643.130	2.259.304	16.975.773
01.01.05.01.4 0.NN1	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.002.913	8.909.242	2.093.672	177.939	46.640	11.227.492	1.375.364	1.584.420	2.178.577	16.365.853
01.01.05.01.5 0.NN1	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.176.139	8.239.789	1.936.350	154.122	46.640	10.376.901	1.272.017	1.465.364	2.014.876	15.129.158
01.01.05.01.6 0.NN1	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.251.035	9.919.866	2.331.169	213.563	46.640	12.511.238	1.531.379	1.764.149	2.425.705	18.232.471
01.01.05.01.7 0.NN1	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.829.687	9.578.694	2.250.993	201.552	46.640	12.077.880	1.478.711	1.703.475	2.342.278	17.602.344
01.01.05.01.8 0.NN1	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.410.626	9.239.373	2.171.253	189.746	46.640	11.647.011	1.426.328	1.643.130	2.259.304	16.975.773
01.01.05.01.9 0.NN1	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.595.201	8.579.110	2.016.091	166.132	46.640	10.807.973	1.324.400	1.525.709	2.097.850	15.755.932
01.01.06.01. NN1	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc		01 bức ảnh (tin ảnh)	2.854.026	2.310.952	543.074	89.608	1.452	2.945.086	356.753	410.980	565.097	4.277.916

			nhóm LHQ)												
01.01.06.02. NNI	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	1.165.247	943.520	221.727	35.950	1.452	1.202.649	145.656	167.796	230.719	1.746.819
01.01.07.01. NNI	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.466.874	1.187.752	279.122	26.468	1.155	1.494.497	183.359	211.230	290.441	2.179.527
01.01.07.02. NNI	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biếm họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.769.762	1.433.005	336.756	32.229	1.155	1.803.146	221.220	254.846	350.413	2.629.624
01.01.08.01. NNI	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)		01 tin /bài trả lời bạn đọc	2.580.418	2.089.407	491.011	51.071	34.980	2.666.469	322.552	371.580	510.923	3.871.524
01.02.01.01. NNI	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin vắn	357.546	289.511	68.035	6.922	2.332	366.801	44.693	51.487	70.794	533.775
01.02.01.02. NNI	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	672.650	544.656	127.994	11.605	3.498	687.753	84.081	96.862	133.185	1.001.881
01.02.01.03. NNI	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	1.136.558	920.290	216.268	19.952	5.830	1.162.340	142.070	163.664	225.039	1.693.113
01.02.01.04. NNI	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	2.483.830	2.011.198	472.632	42.144	12.826	2.538.800	310.479	357.671	491.798	3.698.748
01.02.03.01. NNI	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	12.028.775	9.739.899	2.288.876	159.841	87.450	12.276.067	1.503.597	1.732.144	2.381.698	17.893.505
01.02.04.01. NNI	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký l ký	9.126.554	7.389.922	1.736.632	173.065	69.960	9.369.578	1.140.819	1.314.224	1.807.058	13.631.679
01.02.04.02. NNI	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỳ	9.183.143	7.435.744	1.747.400	176.118	69.960	9.429.221	1.147.893	1.322.373	1.818.262	13.717.749

01.02.05.01. NN1	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	7.087.913	5.739.201	1.348.712	131.741	69.960	7.289.614	885.989	1.020.660	1.403.407	10.599.670
01.02.06.01. NN1	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	6.250.657	5.061.260	1.189.396	120.115	23.320	6.394.091	781.332	900.095	1.237.630	9.313.148
01.02.06.02. NN1	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	3.638.397	2.946.071	692.327	70.233	5.830	3.714.460	454.800	523.929	720.403	5.413.591
01.02.07.01. NN1	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	5.704.387	4.618.937	1.085.450	105.470	46.640	5.856.496	713.048	821.432	1.129.469	8.520.445
01.02.08.01. NN1	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học (bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	8.985.868	7.276.007	1.709.862	166.938	29.150	9.181.956	1.123.234	1.293.965	1.779.202	13.378.356
01.02.09.01. NN1	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh (chủ thích bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	1.054.157	853.568	200.589	20.765	2.332	1.077.253	131.770	151.799	208.723	1.569.545
01.02.09.02. NN1	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chủ thích bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	636.987	515.779	121.208	12.826	2.332	652.144	79.623	91.726	126.123	949.617
01.02.09.03. NN1	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chủ thích bằng tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	611.214	494.910	116.304	12.215	2.332	625.761	76.402	88.015	121.020	911.198
01.02.10.01. NN1	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	649.045	525.543	123.503	14.658	2.332	666.035	81.131	93.463	128.511	969.139
01.02.10.02. NN1	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	641.834	519.703	122.130	14.454	2.332	658.620	80.229	92.424	127.083	958.356
01.02.10.03. NN1	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	858.182	694.884	163.298	19.340	2.332	879.854	107.273	123.578	169.920	1.280.625
01.02.10.04. NN1	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	750.008	607.294	142.714	16.897	2.332	769.237	93.751	108.001	148.502	1.119.490

Bảng 3.1. Đơn giá tổng hợp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng tiếng Nước ngoài (tiếng các nước không thuộc LHQ)

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	ST T	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT – bằng tiếng Nước ngoài (tiếng các nước không thuộc LHQ)					Chi phí liên quan khác trong hoạt động báo chí (theo TT25/2014/TT-BTC)			Đơn giá tổng hợp không đầy đủ (VNĐ)	
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	(VL+NC+M) theo ĐM	Chi phí SX chung không phân tách được	Chi phí nhân công QL và gián tiếp		Chi phí QL khác
						NC	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương							
						1			2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=4+5+6+7
01.01.01.01.10 .NN2	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	1.082.315	876.368	205.947	20.455	2.750	1.105.520	135.289	155.853	214.298	1.610.961
01.01.01.01.20 .NN2	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	958.942	776.472	182.471	17.372	2.750	979.064	119.868	138.088	189.871	1.426.890
01.01.01.01.30 .NN2	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	916.067	741.754	174.312	16.503	2.750	935.320	114.508	131.914	181.381	1.363.123
01.01.01.01.40 .NN2	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	858.647	695.261	163.386	15.418	2.750	876.815	107.331	123.645	170.012	1.277.803
01.01.01.01.50 .NN2	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin văn	778.150	630.081	148.069	13.246	2.750	794.147	97.269	112.054	154.074	1.157.543
01.01.01.01.60 .NN2	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin văn	1.016.362	822.965	193.397	18.458	2.750	1.037.570	127.045	146.356	201.240	1.512.211
01.01.01.01.70 .NN2	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin văn	958.942	776.472	182.471	17.372	2.750	979.064	119.868	138.088	189.871	1.426.890

01.01.01.01.80 .NN2	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin văn	916.067	741.754	174.312	16.503	2.750	935.320	114.508	131.914	181.381	1.363.123
01.01.01.01.90 .NN2	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin văn	835.570	676.575	158.995	14.332	2.750	852.652	104.446	120.322	165.443	1.242.863
01.01.01.02.10 .NN2	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	1.505.732	1.219.217	286.516	28.925	4.455	1.539.112	188.217	216.825	298.135	2.242.289
01.01.01.02.20 .NN2	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	1.324.940	1.072.826	252.114	24.539	4.455	1.353.934	165.618	190.791	262.338	1.972.681
01.01.01.02.30 .NN2	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	1.286.478	1.041.683	244.795	23.236	4.455	1.314.169	160.810	185.253	254.723	1.914.955
01.01.01.02.40 .NN2	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	1.221.366	988.961	232.406	21.716	4.455	1.247.537	152.671	175.877	241.831	1.817.915
01.01.01.02.50 .NN2	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	1.105.686	895.293	210.394	18.893	4.455	1.129.034	138.211	159.219	218.926	1.645.390
01.01.01.02.60 .NN2	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	1.390.052	1.125.549	264.504	26.059	4.455	1.420.566	173.757	200.168	275.230	2.069.721
01.01.01.02.70 .NN2	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	1.324.940	1.072.826	252.114	24.539	4.455	1.353.934	165.618	190.791	262.338	1.972.681
01.01.01.02.80 .NN2	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	1.286.478	1.041.683	244.795	23.236	4.455	1.314.169	160.810	185.253	254.723	1.914.955
01.01.01.02.90 .NN2	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ngắn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	1.170.798	948.015	222.783	20.196	4.455	1.195.449	146.350	168.595	231.818	1.742.212

01.01.01.03.10 .NN2	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	2.515.999	2.037.247	478.753	47.774	8.910	2.572.684	314.500	362.304	498.168	3.747.656
01.01.01.03.20 .NN2	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	2.247.018	1.819.448	427.570	40.609	8.910	2.296.537	280.877	323.571	444.910	3.345.894
01.01.01.03.30 .NN2	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	2.173.373	1.759.816	413.557	38.220	8.910	2.220.503	271.672	312.966	430.328	3.235.469
01.01.01.03.40 .NN2	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	2.085.184	1.688.408	396.776	35.832	8.910	2.129.926	260.648	300.266	412.866	3.103.706
01.01.01.03.50 .NN2	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.896.699	1.535.789	360.910	31.055	8.910	1.936.664	237.087	273.125	375.546	2.822.423
01.01.01.03.60 .NN2	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin sâu	2.247.018	1.819.448	427.570	42.997	8.910	2.298.925	280.877	323.571	444.910	3.348.283
01.01.01.03.70 .NN2	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	2.173.373	1.759.816	413.557	40.609	8.910	2.222.892	271.672	312.966	430.328	3.237.857
01.01.01.03.80 .NN2	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	2.085.184	1.688.408	396.776	38.220	8.910	2.132.314	260.648	300.266	412.866	3.106.095
01.01.01.03.90 .NN2	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.896.699	1.535.789	360.910	33.443	8.910	1.939.053	237.087	273.125	375.546	2.824.811
01.01.01.04.10 .NN2	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	5.393.121	4.366.899	1.026.221	103.517	17.490	5.514.128	674.140	776.609	1.067.838	8.032.716
01.01.01.04.20 .NN2	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	4.846.625	3.924.393	922.232	87.949	17.490	4.952.064	605.828	697.914	959.632	7.215.438

01.01.01.04.30 .NN2	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	4.672.685	3.783.550	889.134	82.737	17.490	4.772.912	584.086	672.867	925.192	6.955.056
01.01.01.04.40 .NN2	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	4.488.614	3.634.505	854.109	77.743	17.490	4.583.847	561.077	646.360	888.746	6.680.030
01.01.01.04.50 .NN2	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	4.126.189	3.341.043	785.145	67.321	17.490	4.210.999	515.774	594.171	816.985	6.137.930
01.01.01.04.60 .NN2	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	5.035.110	4.077.012	958.098	93.160	17.490	5.145.759	629.389	725.056	996.952	7.497.156
01.01.01.04.70 .NN2	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	4.846.625	3.924.393	922.232	87.949	17.490	4.952.064	605.828	697.914	959.632	7.215.438
01.01.01.04.80 .NN2	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	4.672.685	3.783.550	889.134	82.737	17.490	4.772.912	584.086	672.867	925.192	6.955.056
01.01.01.04.90 .NN2	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	4.300.129	3.481.886	818.243	72.532	17.490	4.390.151	537.516	619.219	851.426	6.398.311
01.01.02.01.10 .NN2	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	24.677.350	19.981.660	4.695.690	327.202	87.450	25.092.002	3.084.669	3.553.538	4.886.115	36.616.324
01.01.02.01.20 .NN2	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	22.677.119	18.362.040	4.315.079	278.194	87.450	23.042.763	2.834.640	3.265.505	4.490.070	33.632.977
01.01.02.01.30 .NN2	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	22.023.140	17.832.502	4.190.638	261.692	87.450	22.372.282	2.752.892	3.171.332	4.360.582	32.657.088

			tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	đến 50%											
01.01.02.01.40.NN2	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	21.369.161	17.302.964	4.066.197	245.407	87.450	21.702.017	2.671.145	3.077.159	4.231.094	31.681.415
01.01.02.01.50.NN2	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	20.050.315	16.235.073	3.815.242	212.619	87.450	20.350.384	2.506.289	2.887.245	3.969.962	29.713.882
01.01.02.01.60.NN2	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	23.346.399	18.903.967	4.442.432	294.479	87.450	23.728.328	2.918.300	3.361.881	4.622.587	34.631.096
01.01.02.01.70.NN2	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	22.677.119	18.362.040	4.315.079	278.194	87.450	23.042.763	2.834.640	3.265.505	4.490.070	33.632.977
01.01.02.01.80.NN2	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	22.023.140	17.832.502	4.190.638	261.692	87.450	22.372.282	2.752.892	3.171.332	4.360.582	32.657.088
01.01.02.01.90.NN2	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	20.711.987	16.770.840	3.941.147	229.121	87.450	21.028.558	2.588.998	2.982.526	4.100.973	30.701.056
01.01.03.01.10.NN2	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký sự/phóng sự	21.589.718	17.481.553	4.108.165	649.413	69.960	22.309.091	2.698.715	3.108.919	4.274.764	32.391.489
01.01.03.01.20.NN2	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký sự/phóng sự	19.560.483	15.838.447	3.722.035	551.977	69.960	20.182.420	2.445.060	2.816.709	3.872.976	29.317.165
01.01.03.01.30.NN2	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký sự/phóng sự	18.887.293	15.293.355	3.593.938	519.648	69.960	19.476.901	2.360.912	2.719.770	3.739.684	28.297.267

01.01.03.01.40 .NN2	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký sự/phón g sự	18.209.691	14.744.689	3.465.0 02	487.089	69.960	18.766.740	2.276.211	2.622.195	3.605.519	27.270.665
01.01.03.01.50 .NN2	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký sự/phón g sự	16.865.751	13.656.478	3.209.2 72	422.188	69.960	17.357.899	2.108.219	2.428.668	3.339.419	25.234.205
01.01.03.01.60 .NN2	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký sự/phón g sự	20.231.234	16.381.566	3.849.6 68	584.536	69.960	20.885.729	2.528.904	2.913.298	4.005.784	30.333.716
01.01.03.01.70 .NN2	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký sự/phón g sự	19.560.483	15.838.447	3.722.0 35	551.977	69.960	20.182.420	2.445.060	2.816.709	3.872.976	29.317.165
01.01.03.01.80 .NN2	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký sự/phón g sự	18.887.293	15.293.355	3.593.9 38	519.648	69.960	19.476.901	2.360.912	2.719.770	3.739.684	28.297.267
01.01.03.01.90 .NN2	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký sự/phón g sự	17.538.940	14.201.571	3.337.3 69	454.747	69.960	18.063.647	2.192.367	2.525.607	3.472.710	26.254.332
01.01.03.02.10 .NN2	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	21.913.176	17.743.463	4.169.7 14	670.169	69.960	22.653.306	2.739.147	3.155.497	4.338.809	32.886.759
01.01.03.02.20 .NN2	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.805.966	16.037.220	3.768.7 47	569.672	69.960	20.445.599	2.475.746	2.852.059	3.921.581	29.694.985
01.01.03.02.30 .NN2	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.102.470	15.467.587	3.634.8 83	535.991	69.960	19.708.421	2.387.809	2.750.756	3.782.289	28.629.275
01.01.03.02.40 .NN2	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN	01 bài Điều tra 1 kỳ	18.406.666	14.904.183	3.502.4 83	502.756	69.960	18.979.382	2.300.833	2.650.560	3.644.520	27.575.296

			(bảng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	đến 70%											
01.01.03.02.50 .NN2	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	16.995.260	13.761.344	3.233.916	435.623	69.960	17.500.843	2.124.408	2.447.317	3.365.062	25.437.629
01.01.03.02.60 .NN2	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	20.513.876	16.610.426	3.903.450	603.124	69.960	21.186.960	2.564.235	2.953.998	4.061.748	30.766.941
01.01.03.02.70 .NN2	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.805.966	16.037.220	3.768.747	569.672	69.960	20.445.599	2.475.746	2.852.059	3.921.581	29.694.985
01.01.03.02.80 .NN2	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	19.102.470	15.467.587	3.634.883	535.991	69.960	19.708.421	2.387.809	2.750.756	3.782.289	28.629.275
01.01.03.02.90 .NN2	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra (bảng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	17.691.064	14.324.748	3.366.316	469.304	69.960	18.230.328	2.211.383	2.547.513	3.502.831	26.492.055
01.01.04.01.10 .NN2	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phỏng vấn	19.093.601	15.460.406	3.633.195	581.116	69.960	19.744.677	2.386.700	2.749.479	3.780.533	28.661.388
01.01.04.01.20 .NN2	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phỏng vấn	17.166.510	13.900.008	3.266.502	493.989	69.960	17.730.459	2.145.814	2.471.978	3.398.969	25.747.220
01.01.04.01.30 .NN2	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phỏng vấn	16.515.264	13.372.683	3.142.581	464.941	69.960	17.050.165	2.064.408	2.378.198	3.270.022	24.762.793
01.01.04.01.40 .NN2	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phỏng vấn	15.864.017	12.845.358	3.018.659	435.906	69.960	16.369.882	1.983.002	2.284.418	3.141.075	23.778.378

01.01.04.01.50 .NN2	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	14.580.481	11.806.057	2.774.4 23	377.593	69.960	15.028.034	1.822.560	2.099.589	2.886.935	21.837.118
01.01.04.01.60 .NN2	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	17.803.213	14.415.557	3.387.6 56	523.024	69.960	18.396.197	2.225.402	2.563.663	3.525.036	26.710.298
01.01.04.01.70 .NN2	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	17.166.510	13.900.008	3.266.5 02	493.989	69.960	17.730.459	2.145.814	2.471.978	3.398.969	25.747.220
01.01.04.01.80 .NN2	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	16.515.264	13.372.683	3.142.5 81	464.941	69.960	17.050.165	2.064.408	2.378.198	3.270.022	24.762.793
01.01.04.01.90 .NN2	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	15.231.728	12.333.383	2.898.3 45	406.858	69.960	15.708.546	1.903.966	2.193.369	3.015.882	22.821.762
01.01.05.01.10 .NN2	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	13.949.663	11.295.274	2.654.3 89	252.986	46.640	14.249.289	1.743.708	2.008.751	2.762.033	20.763.782
01.01.05.01.20 .NN2	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.618.333	10.217.274	2.401.0 59	214.988	46.640	12.879.961	1.577.292	1.817.040	2.498.430	18.772.723
01.01.05.01.30 .NN2	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.171.334	9.855.331	2.316.0 03	202.394	46.640	12.420.368	1.521.417	1.752.672	2.409.924	18.104.381
01.01.05.01.40 .NN2	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bảng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.736.441	9.503.191	2.233.2 50	189.800	46.640	11.972.881	1.467.055	1.690.047	2.323.815	17.453.799
01.01.05.01.50 .NN2	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN	01 bài nghiên cứu trao	10.854.548	8.789.108	2.065.4 40	164.395	46.640	11.065.583	1.356.819	1.563.055	2.149.201	16.134.658

			đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	trên 70%	đổi										
01.01.05.01.60.NN2	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	13.067.771	10.581.191	2.486.580	227.799	46.640	13.342.209	1.633.471	1.881.759	2.587.419	19.444.858
01.01.05.01.70.NN2	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.618.333	10.217.274	2.401.059	214.988	46.640	12.879.961	1.577.292	1.817.040	2.498.430	18.772.723
01.01.05.01.80.NN2	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	12.171.334	9.855.331	2.316.003	202.394	46.640	12.420.368	1.521.417	1.752.672	2.409.924	18.104.381
01.01.05.01.90.NN2	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	11.301.548	9.151.051	2.150.497	177.206	46.640	11.525.394	1.412.693	1.627.423	2.237.706	16.803.216
01.01.06.01.N2	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (tin ảnh)	3.044.294	2.465.016	579.279	92.560	1.452	3.138.306	380.537	438.378	602.770	4.559.991
01.01.06.02.N2	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	1.242.930	1.006.421	236.509	37.179	1.452	1.281.562	155.366	178.982	246.100	1.862.010
01.01.07.01.N2	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.564.665	1.266.936	297.730	28.232	1.155	1.594.053	195.583	225.312	309.804	2.324.752
01.01.07.02.N2	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chủ thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 bức tranh	1.887.746	1.528.539	359.207	34.377	1.155	1.923.278	235.968	271.835	373.774	2.804.855

01.01.08.01.N N2	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)		01 tin /bài trả lời bạn đọc	2.752.446	2.228.701	523.745	54.475	34.980	2.841.901	344.056	396.352	544.984	4.127.293
01.02.01.01.N N2	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin vắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin vắn	381.383	308.812	72.571	7.384	2.332	391.098	47.673	54.919	75.514	569.204
01.02.01.02.N N2	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	717.494	580.967	136.527	12.378	3.498	733.370	89.687	103.319	142.064	1.068.440
01.02.01.03.N N2	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	1.212.329	981.643	230.686	21.282	5.830	1.239.441	151.541	174.575	240.041	1.805.598
01.02.01.04.N N2	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	2.649.418	2.145.278	504.140	44.953	12.826	2.707.198	331.177	381.516	524.585	3.944.476
01.02.03.01.N N2	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	12.830.694	10.389.226	2.441.4 68	170.495	87.450	13.088.638	1.603.837	1.847.620	2.540.477	19.080.572
01.02.04.01.N N2	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, kỷ sự (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Kỷ 1 kỷ	9.734.991	7.882.584	1.852.4 07	184.600	69.960	9.989.551	1.216.874	1.401.839	1.927.528	14.535.791
01.02.04.02.N N2	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 kỷ	9.795.353	7.931.460	1.863.8 93	187.857	69.960	10.053.170	1.224.419	1.410.531	1.939.480	14.627.600
01.02.05.01.N N2	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	7.560.441	6.121.814	1.438.6 26	140.521	69.960	7.770.922	945.055	1.088.703	1.496.967	11.301.648
01.02.06.01.N N2	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	6.667.367	5.398.678	1.268.6 89	128.122	23.320	6.818.809	833.421	960.101	1.320.139	9.932.469
01.02.06.02.N N2	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	3.880.957	3.142.475	738.482	74.915	5.830	3.961.702	485.120	558.858	768.429	5.774.109

01.02.07.01.N N2	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	6.084.679	4.926.866	1.157.8 13	112.499	46.640	6.243.819	760.585	876.194	1.204.766	9.085.364
01.02.08.01.N N2	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học (bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	9.584.926	7.761.074	1.823.8 52	178.066	29.150	9.792.142	1.198.116	1.380.229	1.897.815	14.268.302
01.02.09.01.N N2	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh (chú thích bằng tiếng nước ngoài thuộc không nhóm LHQ)	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	1.124.434	910.473	213.961	22.149	2.332	1.148.915	140.554	161.918	222.638	1.674.025
01.02.09.02.N N2	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chú thích bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	679.452	550.164	129.288	13.681	2.332	695.465	84.932	97.841	134.532	1.012.769
01.02.09.03.N N2	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa (chú thích bằng tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	651.961	527.904	124.057	13.029	2.332	667.323	81.495	93.882	129.088	971.789
01.02.10.01.N N2	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	692.315	560.579	131.736	15.635	2.332	710.282	86.539	99.693	137.078	1.033.593
01.02.10.02.N N2	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	684.623	554.350	130.272	15.418	2.332	702.372	85.578	98.586	135.555	1.022.091
01.02.10.03.N N2	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	915.394	741.210	174.184	20.629	2.332	938.355	114.424	131.817	181.248	1.365.844
01.02.10.04.N N2	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng (chú thích tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài không thuộc nhóm LHQ)	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	800.008	647.780	152.228	18.023	2.332	820.364	100.001	115.201	158.402	1.193.968

Bảng 4.1. Đơn giá tổng hợp Xây dựng bản thảo, biên tập bản thảo tác phẩm báo chí viết trực tiếp bằng tiếng Nước ngoài (không qua bước chuyển ngữ)

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	ST T	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT – viết trực tiếp bằng tiếng nước ngoài (không qua bước chuyển ngữ)					Chi phí liên quan khác trong hoạt động báo chí (theo TT25/2014/TT-BTC)				Đơn giá tổng hợp không đầy đủ (VNĐ)
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	(VL+NC+M) theo ĐM	Chi phí SX chung không phân tách được	Chi phí nhân công QL và gián tiếp	Chi phí QL khác	
						NC	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương							
						1			2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=4+5+6+7
01.01.01.01.10.NN3	1	01.01.01.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin văn	811.736	657.276	154.460	15.342	2.750	829.828	101.467	116.890	160.724	1.208.909
01.01.01.01.20.NN3	2	01.01.01.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin văn	719.207	582.354	136.853	13.029	2.750	734.986	89.901	103.566	142.403	1.070.856
01.01.01.01.30.NN3	3	01.01.01.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin văn	687.050	556.316	130.734	12.378	2.750	702.178	85.881	98.935	136.036	1.023.030
01.01.01.01.40.NN3	4	01.01.01.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin văn	643.985	521.446	122.540	11.564	2.750	658.299	80.498	92.734	127.509	959.040
01.01.01.01.50.NN3	5	01.01.01.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin văn	583.613	472.561	111.052	9.935	2.750	596.298	72.952	84.040	115.555	868.845
01.01.01.01.60.NN3	6	01.01.01.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin văn	762.272	617.224	145.048	13.843	2.750	778.865	95.284	109.767	150.930	1.134.846
01.01.01.01.70.NN3	7	01.01.01.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin văn	719.207	582.354	136.853	13.029	2.750	734.986	89.901	103.566	142.403	1.070.856
01.01.01.01.80.NN3	8	01.01.01.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin văn	687.050	556.316	130.734	12.378	2.750	702.178	85.881	98.935	136.036	1.023.030
01.01.01.01.90.NN3	9	01.01.01.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin văn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin văn	626.677	507.431	119.246	10.749	2.750	640.177	78.335	90.242	124.082	932.835

01.01.01.02.10 .NN3	10	01.01.01.02.10	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin ngắn	1.129.299	914.412	214.887	21.694	4.455	1.155.449	141.162	162.619	223.601	1.682.831
01.01.01.02.20 .NN3	11	01.01.01.02.20	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin ngắn	993.705	804.620	189.086	18.405	4.455	1.016.565	124.213	143.094	196.754	1.480.625
01.01.01.02.30 .NN3	12	01.01.01.02.30	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin ngắn	964.859	781.262	183.597	17.428	4.455	986.741	120.607	138.940	191.042	1.437.330
01.01.01.02.40 .NN3	13	01.01.01.02.40	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin ngắn	916.025	741.720	174.304	16.288	4.455	936.767	114.503	131.908	181.373	1.364.551
01.01.01.02.50 .NN3	14	01.01.01.02.50	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin ngắn	829.265	671.469	157.795	14.171	4.455	847.890	103.658	119.414	164.194	1.235.157
01.01.01.02.60 .NN3	15	01.01.01.02.60	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 tin ngắn	1.042.539	844.161	198.378	19.545	4.455	1.066.539	130.317	150.126	206.423	1.553.405
01.01.01.02.70 .NN3	16	01.01.01.02.70	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin ngắn	993.705	804.620	189.086	18.405	4.455	1.016.565	124.213	143.094	196.754	1.480.625
01.01.01.02.80 .NN3	17	01.01.01.02.80	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin ngắn	964.859	781.262	183.597	17.428	4.455	986.741	120.607	138.940	191.042	1.437.330
01.01.01.02.90 .NN3	18	01.01.01.02.90	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin ngắn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin ngắn	878.099	711.011	167.088	15.148	4.455	897.701	109.762	126.446	173.864	1.307.773
01.01.01.03.10 .NN3	19	01.01.01.03.10	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 tin sâu	1.887.000	1.527.935	359.065	35.832	8.910	1.931.742	235.875	271.728	373.626	2.812.970
01.01.01.03.20 .NN3	20	01.01.01.03.20	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 tin sâu	1.685.264	1.364.586	320.678	30.458	8.910	1.724.631	210.658	242.678	333.682	2.511.649
01.01.01.03.30 .NN3	21	01.01.01.03.30	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 tin sâu	1.630.030	1.319.862	310.168	28.666	8.910	1.667.606	203.754	234.724	322.746	2.428.830
01.01.01.03.40 .NN3	22	01.01.01.03.40	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 tin sâu	1.563.888	1.266.306	297.582	26.875	8.910	1.599.673	195.486	225.200	309.650	2.330.008
01.01.01.03.50 .NN3	23	01.01.01.03.50	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 tin sâu	1.422.524	1.151.842	270.683	23.292	8.910	1.454.727	177.816	204.844	281.660	2.119.046
01.01.01.03.60 .NN3	24	01.01.01.03.60	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN	01 tin sâu	1.685.264	1.364.586	320.678	32.249	8.910	1.726.423	210.658	242.678	333.682	2.513.441

				đến 30%											
01.01.01.03.70 .NN3	25	01.01.01.03.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 tin sâu	1.630.030	1.319.862	310.168	30.458	8.910	1.669.397	203.754	234.724	322.746	2.430.621
01.01.01.03.80 .NN3	26	01.01.01.03.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 tin sâu	1.563.888	1.266.306	297.582	28.666	8.910	1.601.464	195.486	225.200	309.650	2.331.800
01.01.01.03.90 .NN3	27	01.01.01.03.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin sâu	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 tin sâu	1.422.524	1.151.842	270.683	25.084	8.910	1.456.518	177.816	204.844	281.660	2.120.837
01.01.01.04.10 .NN3	28	01.01.01.04.10	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phản ánh	4.044.841	3.275.175	769.666	77.640	17.490	4.139.971	505.605	582.457	800.878	6.028.911
01.01.01.04.20 .NN3	29	01.01.01.04.20	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phản ánh	3.634.969	2.943.295	691.674	65.964	17.490	3.718.422	454.371	523.436	719.724	5.415.953
01.01.01.04.30 .NN3	30	01.01.01.04.30	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phản ánh	3.504.513	2.837.663	666.851	62.055	17.490	3.584.059	438.064	504.650	693.894	5.220.666
01.01.01.04.40 .NN3	31	01.01.01.04.40	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài phản ánh	3.366.460	2.725.879	640.582	58.310	17.490	3.442.260	420.808	484.770	666.559	5.014.397
01.01.01.04.50 .NN3	32	01.01.01.04.50	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phản ánh	3.094.642	2.505.783	588.859	50.493	17.490	3.162.624	386.830	445.628	612.739	4.607.822
01.01.01.04.60 .NN3	33	01.01.01.04.60	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phản ánh	3.776.332	3.057.759	718.573	69.872	17.490	3.863.694	472.042	543.792	747.714	5.627.241
01.01.01.04.70 .NN3	34	01.01.01.04.70	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phản ánh	3.634.969	2.943.295	691.674	65.964	17.490	3.718.422	454.371	523.436	719.724	5.415.953
01.01.01.04.80 .NN3	35	01.01.01.04.80	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phản ánh	3.504.513	2.837.663	666.851	62.055	17.490	3.584.059	438.064	504.650	693.894	5.220.666
01.01.01.04.90 .NN3	36	01.01.01.04.90	Sản xuất bản thảo, biên tập và 01 bài phản ánh	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phản ánh	3.225.097	2.611.414	613.682	54.401	17.490	3.296.988	403.137	464.414	638.569	4.803.108
01.01.02.01.10 .NN3	37	01.01.02.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	không sử dụng tư liệu khai thác lại	1 bài chính luận	18.508.013	14.986.245	3.521.768	245.412	87.450	18.840.875	2.313.502	2.665.154	3.664.586	27.484.116
01.01.02.01.20 .NN3	38	01.01.02.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	1 bài chính luận	17.007.839	13.771.530	3.236.309	208.656	87.450	17.303.945	2.125.980	2.449.129	3.367.552	25.246.606

01.01.02.01.30 .NN3	39	01.01.02.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	1 bài chính luận	16.517.355	13.374.376	3.142.978	196.280	87.450	16.801.084	2.064.669	2.378.499	3.270.436	24.514.689
01.01.02.01.40 .NN3	40	01.01.02.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	1 bài chính luận	16.026.870	12.977.223	3.049.647	184.066	87.450	16.298.386	2.003.359	2.307.869	3.173.320	23.782.935
01.01.02.01.50 .NN3	41	01.01.02.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	1 bài chính luận	15.037.737	12.176.305	2.861.432	159.475	87.450	15.284.662	1.879.717	2.165.434	2.977.472	22.307.284
01.01.02.01.60 .NN3	42	01.01.02.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	1 bài chính luận	17.509.799	14.177.975	3.331.824	220.870	87.450	17.818.119	2.188.725	2.521.411	3.466.940	25.995.195
01.01.02.01.70 .NN3	43	01.01.02.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	1 bài chính luận	17.007.839	13.771.530	3.236.309	208.656	87.450	17.303.945	2.125.980	2.449.129	3.367.552	25.246.606
01.01.02.01.80 .NN3	44	01.01.02.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	1 bài chính luận	16.517.355	13.374.376	3.142.978	196.280	87.450	16.801.084	2.064.669	2.378.499	3.270.436	24.514.689
01.01.02.01.90 .NN3	45	01.01.02.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài chính luận	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	1 bài chính luận	15.533.990	12.578.130	2.955.860	171.852	87.450	15.793.292	1.941.749	2.236.895	3.075.730	23.047.665
01.01.03.01.10 .NN3	46	01.01.03.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Ký 1 ký	16.192.288	13.111.165	3.081.124	546.545	69.960	16.808.794	2.024.036	2.331.690	3.206.073	24.370.592
01.01.03.01.20 .NN3	47	01.01.03.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Ký 1 ký	14.670.362	11.878.836	2.791.526	464.526	69.960	15.204.847	1.833.795	2.112.532	2.904.732	22.055.906
01.01.03.01.30 .NN3	48	01.01.03.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Ký 1 ký	14.165.470	11.470.016	2.695.454	437.353	69.960	14.672.783	1.770.684	2.039.828	2.804.763	21.288.058
01.01.03.01.40 .NN3	49	01.01.03.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Ký 1 ký	13.657.268	11.058.517	2.598.751	409.951	69.960	14.137.179	1.707.159	1.966.647	2.704.139	20.515.124
01.01.03.01.50 .NN3	50	01.01.03.01.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Ký 1 ký	12.649.313	10.242.359	2.406.954	355.311	69.960	13.074.584	1.581.164	1.821.501	2.504.564	18.981.813
01.01.03.01.60 .NN3	51	01.01.03.01.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Ký 1 ký	15.173.425	12.286.174	2.887.251	491.927	69.960	15.735.313	1.896.678	2.184.973	3.004.338	22.821.302
01.01.03.01.70 .NN3	52	01.01.03.01.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Ký 1 ký	14.670.362	11.878.836	2.791.526	464.526	69.960	15.204.847	1.833.795	2.112.532	2.904.732	22.055.906

01.01.03.01.80 .NN3	53	01.01.03.01.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Ký 1 kỳ	14.165.470	11.470.016	2.695.454	437.353	69.960	14.672.783	1.770.684	2.039.828	2.804.763	21.288.058
01.01.03.01.90 .NN3	54	01.01.03.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 phóng sự, ký sự	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Ký 1 kỳ	13.154.205	10.651.178	2.503.027	382.712	69.960	13.606.877	1.644.276	1.894.205	2.604.533	19.749.891
01.01.03.02.10 .NN3	55	01.01.03.02.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài Điều tra 1 kỳ	16.434.882	13.307.597	3.127.285	565.038	69.960	17.069.880	2.054.360	2.366.623	3.254.107	24.744.970
01.01.03.02.20 .NN3	56	01.01.03.02.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.854.475	12.027.915	2.826.560	480.321	69.960	15.404.756	1.856.809	2.139.044	2.941.186	22.341.795
01.01.03.02.30 .NN3	57	01.01.03.02.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.326.853	11.600.690	2.726.162	451.905	69.960	14.848.718	1.790.857	2.063.067	2.836.717	21.539.358
01.01.03.02.40 .NN3	58	01.01.03.02.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	13.805.000	11.178.137	2.626.862	423.881	69.960	14.298.841	1.725.625	1.987.920	2.733.390	20.745.776
01.01.03.02.50 .NN3	59	01.01.03.02.50	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	12.746.445	10.321.008	2.425.437	367.279	69.960	13.183.684	1.593.306	1.835.488	2.523.796	19.136.274
01.01.03.02.60 .NN3	60	01.01.03.02.60	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài Điều tra 1 kỳ	15.385.407	12.457.820	2.927.588	508.507	69.960	15.963.874	1.923.176	2.215.499	3.046.311	23.148.860
01.01.03.02.70 .NN3	61	01.01.03.02.70	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.854.475	12.027.915	2.826.560	480.321	69.960	15.404.756	1.856.809	2.139.044	2.941.186	22.341.795
01.01.03.02.80 .NN3	62	01.01.03.02.80	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	14.326.853	11.600.690	2.726.162	451.905	69.960	14.848.718	1.790.857	2.063.067	2.836.717	21.539.358
01.01.03.02.90 .NN3	63	01.01.03.02.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng sự điều tra	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài Điều tra 1 kỳ	13.268.298	10.743.561	2.524.737	395.695	69.960	13.733.953	1.658.537	1.910.635	2.627.123	19.930.248
01.01.04.01.10 .NN3	64	01.01.04.01.10	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng vấn	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài phóng vấn	14.320.201	11.595.304	2.724.896	491.640	69.960	14.881.800	1.790.025	2.062.109	2.835.400	21.569.334
01.01.04.01.20 .NN3	65	01.01.04.01.20	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài phóng vấn	12.874.883	10.425.006	2.449.876	417.937	69.960	13.362.780	1.609.360	1.853.983	2.549.227	19.375.350
01.01.04.01.30 .NN3	66	01.01.04.01.30	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài phóng vấn	12.386.448	10.029.512	2.356.935	393.340	69.960	12.849.748	1.548.306	1.783.648	2.452.517	18.634.219
01.01.04.01.40 .NN3	67	01.01.04.01.40	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài phóng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN	01 bài phóng vấn	11.898.013	9.634.018	2.263.994	368.811	69.960	12.336.783	1.487.252	1.713.314	2.355.806	17.893.155

				đến 70%											
01.01.04.01.50 .NN3	68	01.01.04.01.50	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài phỏng vấn	10.935.361	8.854.543	2.080.818	319.455	69.960	11.324.775	1.366.920	1.574.692	2.165.201	16.431.589
01.01.04.01.60 .NN3	69	01.01.04.01.60	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài phỏng vấn	13.352.410	10.811.668	2.540.742	442.467	69.960	13.864.837	1.669.051	1.922.747	2.643.777	20.100.412
01.01.04.01.70 .NN3	70	01.01.04.01.70	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài phỏng vấn	12.874.883	10.425.006	2.449.876	417.937	69.960	13.362.780	1.609.360	1.853.983	2.549.227	19.375.350
01.01.04.01.80 .NN3	71	01.01.04.01.80	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài phỏng vấn	12.386.448	10.029.512	2.356.935	393.340	69.960	12.849.748	1.548.306	1.783.648	2.452.517	18.634.219
01.01.04.01.90 .NN3	72	01.01.04.01.90	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài phỏng vấn	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài phỏng vấn	11.423.796	9.250.037	2.173.759	344.214	69.960	11.837.970	1.427.974	1.645.027	2.261.912	17.172.882
01.01.05.01.10 .NN3	73	01.01.05.01.10	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	không sử dụng tư liệu khai thác lại	01 bài nghiên cứu trao đổi	10.462.247	8.471.455	1.990.792	189.746	46.640	10.698.633	1.307.781	1.506.564	2.071.525	15.584.502
01.01.05.01.20 .NN3	74	01.01.05.01.20	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.463.750	7.662.955	1.800.795	161.246	46.640	9.671.636	1.182.969	1.362.780	1.873.822	14.091.208
01.01.05.01.30 .NN3	75	01.01.05.01.30	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.128.501	7.391.498	1.737.002	151.801	46.640	9.326.942	1.141.063	1.314.504	1.807.443	13.589.951
01.01.05.01.40 .NN3	76	01.01.05.01.40	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.802.331	7.127.393	1.674.937	142.356	46.640	8.991.326	1.100.291	1.267.536	1.742.861	13.102.015
01.01.05.01.50 .NN3	77	01.01.05.01.50	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng VN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.140.911	6.591.831	1.549.080	123.302	46.640	8.310.853	1.017.614	1.172.291	1.611.900	12.112.659
01.01.05.01.60 .NN3	78	01.01.05.01.60	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 30%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.800.828	7.935.893	1.864.935	170.855	46.640	10.018.323	1.225.103	1.411.319	1.940.564	14.595.309
01.01.05.01.70 .NN3	79	01.01.05.01.70	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 50%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.463.750	7.662.955	1.800.795	161.246	46.640	9.671.636	1.182.969	1.362.780	1.873.822	14.091.208
01.01.05.01.80 .NN3	80	01.01.05.01.80	Sản xuất bán thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN đến 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	9.128.501	7.391.498	1.737.002	151.801	46.640	9.326.942	1.141.063	1.314.504	1.807.443	13.589.951

01.01.05.01.90 .NN3	81	01.01.05.01.90	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 bài nghiên cứu trao đổi	sử dụng tư liệu khai thác lại tiếng NN trên 70%	01 bài nghiên cứu trao đổi	8.476.161	6.863.288	1.612.873	132.910	46.640	8.655.711	1.059.520	1.220.567	1.678.280	12.614.078
01.01.06.01.N N3	82	01.01.06.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tin ảnh (chủ thích tiếng nước ngoài)		01 bức ảnh (tin ảnh)	2.283.221	1.848.762	434.459	80.753	1.452	2.365.426	285.403	328.784	452.078	3.431.690
01.01.06.02.N N3	83	01.01.06.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 ảnh minh họa (chủ thích tiếng nước ngoài)		01 bức ảnh (ảnh minh họa)	932.198	754.816	177.382	32.261	1.452	965.911	116.525	134.236	184.575	1.401.247
01.01.07.01.N N3	84	01.01.07.01	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh minh họa (chủ thích tiếng nước ngoài)		01 bức tranh	1.173.499	950.202	223.297	21.176	1.155	1.195.830	146.687	168.984	232.353	1.743.854
01.01.07.02.N N3	85	01.01.07.02	Sản xuất bản thảo, biên tập 01 tranh biểu họa (chủ thích tiếng nước ngoài)		01 bức tranh	1.415.809	1.146.404	269.405	25.784	1.155	1.442.749	176.976	203.877	280.330	2.103.932
01.01.08.01.N N3	86	01.01.08.01	Biên tập bản thảo 01 bài trả lời bạn đọc		01 tin /bài trả lời bạn đọc	2.064.334	1.671.526	392.809	40.860	34.980	2.140.175	258.042	297.264	408.738	3.104.219
01.02.01.01.N N3	87	01.02.01.01	Biên tập bản thảo 01 tin văn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin văn	286.037	231.609	54.428	5.538	2.332	293.907	35.755	41.189	56.635	427.486
01.02.01.02.N N3	88	01.02.01.02	Biên tập bản thảo 01 tin ngắn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin ngắn	538.120	435.725	102.395	9.284	3.498	550.903	67.265	77.489	106.548	802.205
01.02.01.03.N N3	89	01.02.01.03	Biên tập bản thảo 01 tin sâu	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 tin sâu	909.247	736.232	173.015	15.962	5.830	931.039	113.656	130.932	180.031	1.355.657
01.02.01.04.N N3	90	01.02.01.04	Biên tập bản thảo 01 bài phản ánh	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài phản ánh	1.987.064	1.608.958	378.105	33.717	12.826	2.033.606	248.383	286.137	393.439	2.961.565
01.02.03.01.N N3	91	01.02.03.01	Biên tập bản thảo 01 bài chính luận	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài chính luận	9.623.020	7.791.919	1.831.101	127.882	87.450	9.838.352	1.202.878	1.385.715	1.905.358	14.332.302
01.02.04.01.N N3	92	01.02.04.01	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự, ký sự	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Ký 1 ký	7.301.243	5.911.938	1.389.305	138.459	69.960	7.509.662	912.655	1.051.379	1.445.646	10.919.342
01.02.04.02.N N3	93	01.02.04.02	Biên tập bản thảo 01 bài phóng sự điều tra	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài Điều tra 1 ký	7.346.515	5.948.595	1.397.920	140.901	69.960	7.557.376	918.314	1.057.898	1.454.610	10.988.198

01.02.05.01.N N3	94	01.02.05.01	Biên tập bản thảo 01 bài phỏng vấn	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	bài phỏng vấn	5.670.331	4.591.361	1.078.970	105.400	69.960	5.845.690	708.791	816.528	1.122.725	8.493.735
01.02.06.01.N N3	95	01.02.06.01	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm văn xuôi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo văn xuôi	5.000.525	4.049.008	951.517	96.094	23.320	5.119.939	625.066	720.076	990.104	7.455.185
01.02.06.02.N N3	96	01.02.06.02	Biên tập bản thảo 01 tác phẩm thơ	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bản thảo thơ	2.910.718	2.356.857	553.861	56.187	5.830	2.972.734	363.840	419.143	576.322	4.332.040
01.02.07.01.N N3	97	01.02.07.01	Biên tập bản thảo 01 bài nghiên cứu trao đổi	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài nghiên cứu trao đổi	4.563.509	3.695.149	868.360	84.380	46.640	4.694.530	570.439	657.145	903.575	6.825.689
01.02.08.01.N N3	98	01.02.08.01	Biên tập bản thảo 1 bài báo khoa học	tác phẩm báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bài báo khoa học	7.188.695	5.820.805	1.367.889	133.553	29.150	7.351.398	898.587	1.035.172	1.423.362	10.708.518
01.02.09.01.N N3	99	01.02.09.01	Biên tập bản thảo 01 tin ảnh	tin ảnh báo chí của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	843.325	682.855	160.471	16.612	2.332	862.269	105.416	121.439	166.978	1.256.102
01.02.09.02.N N3	100	01.02.09.02	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh sưu tầm	01 bức ảnh	509.589	412.623	96.966	10.261	2.332	522.182	63.699	73.381	100.899	760.160
01.02.09.03.N N3	101	01.02.09.03	Biên tập bản thảo ảnh minh họa	ảnh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức ảnh	488.971	395.928	93.043	9.772	2.332	501.075	61.121	70.412	96.816	729.425
01.02.10.01.N N3	102	01.02.10.01	Biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm (chủ thích tiếng nước ngoài)	Tranh sưu tầm	01 bức tranh	519.236	420.434	98.802	11.726	2.332	533.295	64.905	74.770	102.809	775.778
01.02.10.02.N N3	103	01.02.10.02	Biên tập bản thảo tranh minh họa gửi đăng (chủ thích tiếng nước ngoài)	Tranh minh họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	513.467	415.763	97.704	11.564	2.332	527.362	64.183	73.939	101.666	767.151
01.02.10.03.N N3	104	01.02.10.03	Biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm (chủ thích tiếng nước ngoài)	Tranh biếm họa sưu tầm	01 bức tranh	686.546	555.907	130.638	15.472	2.332	704.350	85.818	98.863	135.936	1.024.966
01.02.10.04.N N3	105	01.02.10.04	Biên tập bản thảo tranh biếm họa gửi đăng (chủ thích tiếng nước ngoài)	Tranh biếm họa của tác giả sáng tạo gửi đăng	01 bức tranh	600.006	485.835	114.171	13.518	2.332	615.856	75.001	86.401	118.801	896.059

Bảng 1.2. Đơn giá tổng hợp Thiết kế, chế bản báo in

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT – thiết kế, chế bản báo in					Chi phí liên quan khác trong hoạt động báo chí (theo TT25/2014/TT-BTC)			Đơn giá tổng hợp không đầy đủ (VNĐ)	
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	(VL+NC+M) theo ĐM	Chi phí SX chung không phân tách được	Chi phí nhân công QL và gián tiếp		Chi phí QL khác
						NC	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương							
						1			2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=4+5+6+7
02.01.01.01	1	02.01.01.01	Thiết kế layout trang báo in khổ A3.	Thiết kế lần đầu	01 trang A3	673.872	545.645	128.227	18.559	1.500	693.931	84.234	97.038	133.427	1.008.629
02.01.01.01b	2	02.01.01.01b	Thiết kế layout trang báo in khổ A3.	Chỉnh sửa lại layout đã thiết kế trước cho phù hợp	01 trang A3	67.387	54.565	12.823	1.862	1.500	70.750	8.423	9.704	13.343	102.219
02.01.01.02	3	02.01.01.02	Thiết kế layout trang báo in khổ A4.	Thiết kế lần đầu	01 trang A4	354.670	287.182	67.488	9.735	750	365.155	44.334	51.072	70.225	530.785
02.01.01.02b	4	02.01.01.02b	Thiết kế layout trang báo in khổ A4.	Chỉnh sửa lại layout đã thiết kế trước cho phù hợp	01 trang A4	35.467	28.718	6.749	978	750	37.195	4.433	5.107	7.022	53.758
02.02.01.01	5	02.02.01.01	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A3	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A3	350.729	283.991	66.738	9.742	1.800	362.271	43.841	50.505	69.444	526.062
02.02.01.01b	6	02.02.01.01b	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A3	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A3	420.875	340.789	80.085	11.688	1.800	434.363	52.609	60.606	83.333	630.911
02.02.01.02	7	02.02.01.02	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A4	271.913	220.173	51.741	7.476	1.800	281.189	33.989	39.156	53.839	408.173
02.02.01.02b	8	02.02.01.02b	Thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang khổ A4	326.296	264.207	62.089	8.969	1.800	337.065	40.787	46.987	64.607	489.445
02.02.01.03	9	02.02.01.03	Thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san), bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh họa.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bìa ngoài sách	1.846.173	1.494.877	351.296	41.664	2.750	1.890.587	230.772	265.849	365.542	2.752.750
02.02.01.03b	10	02.02.01.03b	Thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bìa ngoài sách	2.215.408	1.793.853	421.555	49.997	2.750	2.268.154	276.926	319.019	438.651	3.302.750

02.03.01.01	11	02.03.01.01	Thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	9.064	7.339	1.725	270	1.800	11.134	1.133	1.305	1.795	15.366
02.03.01.01b	12	02.03.01.01b	Thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	10.877	8.807	2.070	321	1.800	12.998	1.360	1.566	2.154	18.077
02.04.01.01	13	02.04.01.01	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	45.319	36.695	8.623	1.356	1.800	48.474	5.665	6.526	8.973	69.638
02.04.01.01b	14	02.04.01.01b	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	54.383	44.035	10.348	1.624	1.800	57.807	6.798	7.831	10.768	83.204
02.05.01.01	15	02.05.01.01	Thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	37.043	29.995	7.049	1.179	1.800	40.022	4.630	5.334	7.335	57.322
02.05.01.01b	16	02.05.01.01b	Thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in)	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	44.452	35.993	8.458	1.413	1.800	47.664	5.556	6.401	8.801	68.423

Bảng 1.3. Đơn giá tổng hợp Thiết kế, chế bản, đăng tải báo điện tử

Đơn vị tính: đồng

Mã ĐG	STT	Mã ĐM	Tên công tác	Đặc điểm	Đơn vị	Đơn giá theo định mức KT-KT – thiết kế, chế bản báo in						Chi phí liên quan khác trong hoạt động báo chí (theo TT25/2014/TT-BTC)			Đơn giá tổng hợp không đầy đủ (VNĐ)
						Chi phí nhân công trực tiếp			Chi khấu hao TSCĐ trực tiếp (Máy)	Chi phí vật liệu	(VL+NC+M) theo ĐM	Chi phí SX chung không phân tách được	Chi phí nhân công QL và gián tiếp	Chi phí QL khác	
						NC	Chi lương	Chi các khoản đóng góp theo lương							
						/			2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=4+5+6+7
03.01.01.01	1	03.01.01.01	Thiết kế layout trang báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang	35.467	28.718	6.749	978	1.250	37.695	4.433	5.107	7.022	54.258
03.01.01.01b	2	03.01.01.01b	Thiết kế layout trang báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang	42.560	34.462	8.099	1.173	1.250	44.984	5.320	6.129	8.427	64.859

03.02.01.01	3	03.02.01.01	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	137.927	111.682	26.245	3.845	750	142.522	17.241	19.861	27.310	206.934
03.02.01.01b	4	03.02.01.01b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	165.512	134.018	31.494	4.614	750	170.876	20.689	23.834	32.771	248.170
03.02.01.02	5	03.02.01.02	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	165.512	134.018	31.494	4.646	750	170.909	20.689	23.834	32.771	248.203
03.02.01.02b	6	03.02.01.02b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	198.615	160.822	37.793	5.574	750	204.939	24.827	28.601	39.326	297.692
03.02.01.03	7	03.02.01.03	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	145.809	118.064	27.745	4.076	750	150.635	18.226	20.996	28.870	218.727
03.02.01.03b	8	03.02.01.03b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	174.970	141.676	33.294	4.890	750	180.611	21.871	25.196	34.644	262.322
03.02.01.04	9	03.02.01.04	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	153.690	124.445	29.245	4.307	750	158.747	19.211	22.131	30.431	230.520
03.02.01.04b	10	03.02.01.04b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	184.428	149.335	35.094	5.167	750	190.345	23.054	26.558	36.517	276.473
03.02.01.05	11	03.02.01.05	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	189.157	153.164	35.993	5.202	750	195.110	23.645	27.239	37.453	283.446
03.02.01.05b	12	03.02.01.05b	Thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 trang (slide)	226.989	183.796	43.192	6.242	750	233.981	28.374	32.686	44.944	339.984
03.03.01.01	13	03.03.01.01	Thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	37.437	30.314	7.124	1.250	2.800	41.488	4.680	5.391	7.413	58.971
03.03.01.01b	14	03.03.01.01b	Thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tin, bài	44.925	36.376	8.548	1.500	2.800	49.225	5.616	6.469	8.895	70.205
03.04.01.01	15	03.04.01.01	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	13.399	10.849	2.550	1.627	1.800	16.826	1.675	1.929	2.653	23.083
03.04.01.01b	16	03.04.01.01b	Thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 tranh (ảnh)	16.078	13.019	3.059	1.950	1.800	19.828	2.010	2.315	3.184	27.337
03.05.01.01	17	03.05.01.01	Thiết kế trình bày bảng biểu, hộp chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu thông thường về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	40.984	33.185	7.799	1.383	1.800	44.167	5.123	5.902	8.115	63.306
03.05.01.01b	18	03.05.01.01b	Thiết kế trình bày bảng biểu, hộp chữ trong báo điện tử.	Yêu cầu cao về mỹ thuật và kỹ thuật	01 bảng biểu/hộp chữ	49.181	39.823	9.358	1.657	1.800	52.638	6.148	7.082	9.738	75.605